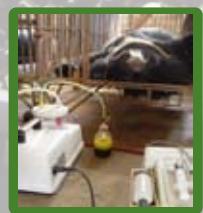


BÁO CÁO

PHÂN TÍCH THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG MẬT GẤU Ở VIỆT NAM



Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

Số 5, Ngõ 192, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

©Bản quyền thuộc về Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

Tất cả các tài liệu xuất hiện trong báo cáo này có thể được tái bản dưới sự cho phép của ENV. Bất cứ sao chép một phần hay toàn bộ Báo cáo cũng cần được sự đồng ý của ENV.

Gợi ý trích dẫn:

Vũ Thị Quyên (2010)

Báo cáo phân tích thái độ và hành vi đối với việc sử dụng mật gấu ở Việt Nam.

Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên Việt Nam - ENV, Hà Nội.

Cố vấn:

TS. Matt Foulkes

TS. Mark Cowell

Douglas. B. Hendrie

Chris Gee

Dave Eastham

Biên soạn:

Simone Nance

Nguyễn Phương Dung

Lê Minh Thi

Thiều Thị Bình

Phan Thị Thùy Trinh

Biên dịch:

Trần Thu Hằng

Ảnh:

CITES

Andrew Piggott

Tim McCormack

Cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Ninh

Hiệp hội Bảo vệ Động vật Thế giới (WSPA)

Tổ chức Động vật châu Á (AAF)

Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

Thiết kế:

Công ty Cổ phần In La Bàn - Hà Nội

BÁO CÁO

PHÂN TÍCH THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG MẬT GẤU Ở VIỆT NAM



LỜI CẢM ƠN

Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) xin chân thành cảm ơn TS. Mark Cowell và TS. Matt Foulkes - Trường Đại học Missouri đã nhiệt tình giúp đỡ và hỗ trợ hoàn thành Báo cáo này.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới Ông Chris Gee và Ông Dave Eastham thuộc Hiệp hội Bảo vệ Động vật Thế giới (WSPA) đã đóng góp ý kiến cho bản phác thảo đầu tiên của Báo cáo.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - GIỚI THIỆU	7
Nuôi nhốt gấu trái phép ở Việt Nam	10
Tình trạng bảo tồn	10
Luật pháp bảo vệ	11
Tầm quan trọng về khía cạnh văn hóa	12
Sự phát triển của hoạt động khai thác mật gấu ở Việt Nam	13
CHƯƠNG II - PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT	17
Quản lý và phân tích cơ sở dữ liệu	18
Hạn chế	19
CHƯƠNG III - KẾT QUẢ KHẢO SÁT	20
Tiêu thụ mật gấu nhìn từ góc độ nhân khẩu học	20
Các yếu tố nhân khẩu học của người sử dụng mật gấu	22
Mô hình hồi quy các yếu tố nhân khẩu học	22
Động cơ của những người không sử dụng mật gấu	24
Đặc điểm và động cơ của những người sử dụng mật gấu	26
CHƯƠNG IV - THẢO LUẬN	41
Những phát hiện chính	41
Các yếu tố quyết định sử dụng mật gấu	44
Động cơ không sử dụng mật gấu	48
Nhận thức và pháp luật	49
Các giải pháp chấm dứt tiêu thụ và sử dụng mật gấu	50
CHƯƠNG V - KHUYẾN NGHỊ	51
Nhận thức	51
Tăng cường luật pháp và thực thi pháp luật	54
Nghiên cứu	58
Bảo vệ gấu hoang dã trong tự nhiên	58
Ý nghĩa của công tác bảo tồn và bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp khác của Việt Nam	59
Kết luận	60
PHỤ LỤC	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO	64

TÓM TẮT

Việt Nam là nơi phân bố loài gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) và gấu chó (*Helarctos malayanus*). Cả hai loài này hiện đang bị đe dọa nghiêm trọng do nạn săn bắt, buôn bán trái phép phục vụ nhu cầu khai thác mật để làm thuốc. Gấu thường bị săn bắt trong tự nhiên khi còn là gấu con để đem bán cho các trang trại nuôi nhốt khai thác lấy mật. Hiện Việt Nam có khoảng 3.500 cá thể gấu nuôi nhốt, chủ yếu đều có nguồn gốc từ tự nhiên.

Chương trình khảo sát của ENV lần này tập trung nghiên cứu các yếu tố xã hội và địa lý ảnh hưởng đến việc sử dụng mật gấu của người dân. Trong quá trình nghiên cứu, ENV đã phỏng vấn ngẫu nhiên hơn 3.000 người dân sinh sống tại 3 thành phố lớn: Hà Nội (khu vực phía Bắc), Đà Nẵng (khu vực miền Trung), và Thành phố Hồ Chí Minh (khu vực phía Nam). Các cuộc phỏng vấn nhằm phân tích động cơ của người tiêu dùng mật gấu và đánh giá sự khác biệt về thái độ, nhận thức của người dân trong việc sử dụng mật gấu giữa các khu vực. Kết quả cho thấy 22% những người được hỏi đã từng sử dụng mật gấu, trong đó Hà Nội là thành phố có tỷ lệ người sử dụng mật gấu cao nhất (35%), tiếp đó là Thành phố Hồ Chí Minh (16%) và Đà Nẵng (15%). Cả nam và nữ đều sử dụng mật gấu, tuy nhiên tỷ lệ nam giới chiếm cao hơn (29%) trong khi nữ giới chiếm 17%. Hầu hết những người sử dụng mật gấu để chữa trị các căn bệnh cụ thể (73%) và ít người sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí (14%). Phụ nữ có xu hướng sử dụng mật gấu để chữa một bệnh cụ thể (88%), trong khi đó nam giới sử dụng mật gấu với nhiều mục đích khác nhau, kể cả mục đích giải trí. Kết quả khảo sát cũng cho thấy xu hướng sử dụng mật gấu tăng lên theo độ tuổi.

Theo ý kiến của những người tham gia vào chương trình khảo sát của ENV thì giải pháp thay thế mật gấu là hiệu quả nhất nhằm giảm thiểu vấn đề tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam.

CHƯƠNG I - GIỚI THIỆU

Trong vài thập kỷ trở lại đây, nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã đã trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, đe dọa sự sống còn của hàng nghìn loài động vật hoang dã, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh học và các hệ sinh thái quan trọng của nhiều khu vực trên thế giới. Theo Nijman (2010), trong khoảng từ năm 1998 đến 2007, hơn 30 triệu cá thể động vật hoang dã bị buôn bán xuyên biên giới, trong đó có 400.000 thú, 1 triệu con chim, và 17,4 triệu cá thể bò sát. Hầu hết các cá thể động vật bị buôn bán này có nguồn gốc từ tự nhiên. Nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã trên toàn cầu đang ngày càng gia tăng, giá trị ước tính từ 5 tỷ đến 20 tỷ đô la mỗi năm (Wyler và Shikh 2008). Lợi nhuận từ buôn bán động vật hoang dã hiện nay đứng hàng thứ hai, chỉ sau buôn bán ma túy (Scheider 2008).



*Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong hoạt động buôn bán động vật hoang dã ở khu vực. Không chỉ là thị trường tiêu thụ, Việt Nam còn được coi là “cửa sau” để buôn lậu động vật sang Trung Quốc. Chuyến tàu chứa gần 6 tấn tê tê do Hải quan Quảng Ninh bắt giữ được sau khi đến từ Ấn Độ và chuẩn bị vận chuyển sang Trung Quốc.
Ảnh: CITES*

Trung Quốc là một trong những nước tiêu thụ động vật hoang dã lớn nhất trên thế giới. Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ cùng với mức sống ngày càng cao của 1,3 tỷ dân đã khiến nhu cầu về thực phẩm ngoại và các phương thuốc cổ truyền từ động vật hoang dã tăng lên. Nhu cầu về các sản phẩm từ động vật hoang dã của thị trường Trung Quốc đã đặt sức ép lên các quốc gia láng giềng như Việt Nam, nơi mà cách đây chưa lâu, săn bắt và buôn bán động vật hoang dã vẫn chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, cũng giống Trung Quốc, mức sống ngày càng cao của một bộ phận không nhỏ người dân

Việt Nam do sự phát triển kinh tế, xã hội cũng đang làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ động vật hoang dã tại thị trường Việt Nam. Việt Nam hiện đang chuyển từ một nước cung cấp động vật hoang dã cho thị trường Trung Quốc thành một nước “trung gian” trong các đường dây buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia và phục vụ cho chính nhu cầu nội địa ngày một gia tăng.

Vai trò của Việt Nam trong hoạt động buôn bán động vật hoang dã quốc tế đã mở rộng sang các nước láng giềng, như là “hợp tác” với các thợ săn hoạt động tại Lào (Nooren và Charigde 2001, Corlett 2007), hay góp cổ phần trong các trang trại nuôi gấu, hổ ở Lào để cung cấp cho thị trường Việt Nam (Hồ sơ lưu trữ Phòng Bảo vệ Động vật hoang dã ENV 2010). Người Việt Nam được biết đến là đã buôn lậu ngà voi, sừng tê giác và các sản phẩm từ động vật hoang dã khác từ Nam Phi và các nước châu Phi khác sang Việt Nam (Hồ sơ lưu trữ Phòng Bảo vệ Động vật hoang dã ENV 2010). Thành phố cảng Hải Phòng đã trở thành điểm trung chuyển quan trọng cho các lô hàng ngà voi có nguồn gốc từ các nước Đông Phi, và các lô hàng rùa, vẩy tê tê có nguồn gốc từ Ấn Độ. Các lô hàng này đều bị nghi ngờ là đang trên đường vận chuyển vào Trung Quốc sau khi quá cảnh tại cảng Hải Phòng. (Hồ sơ lưu trữ Phòng Bảo vệ Động vật hoang dã ENV 2010).



Do nền kinh tế ngày càng phát triển, Việt Nam đã trở thành một nước tiêu thụ động vật hoang dã lớn trong khu vực, Trong ảnh là một số lượng lớn xương động vật hoang dã do Cảnh sát môi trường Hà Nội tịch thu vào tháng 9/2010. Số xương này trước đó được dự định tiêu thụ trên thị trường thuốc đông dược ở Việt Nam.

Ảnh: ENV

Hàng năm, Việt Nam có khoảng 3-4.000 tấn động vật hoang dã được buôn bán trái phép tại Việt Nam. (Nguyễn 2008). Các loài động vật bị buôn bán bao gồm rất nhiều loài, từ các loài côn trùng bé nhỏ cho đến các loài thú lớn, từ các loài

thông thường cho đến những loài cực kỳ nguy cấp được pháp luật bảo vệ như hổ Đông Dương (*Panthera tigris corbetti*), gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), đồi mồi (*Eretmochelys imbricate*) (Rao et al. 2005, Corlett 2007, Zhang et al. 2007, Shepherd và Nijman 2008). Rất nhiều loài trong số này có tên trong Phụ lục I và Phụ lục II của Công ước về buôn bán Quốc tế các loài động thực vật nguy cấp, CITES (Yming và Dianmo 1998).

Nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân nảy sinh từ cơ cấu xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị (Ngân hàng Thế giới năm 2005). Hầu hết các nghiên cứu trước đây đều chủ yếu tập trung vào các vấn đề săn bắt và buôn bán động vật hoang dã ở cấp địa phương. Ở Việt Nam đã có rất nhiều cuộc điều tra, khảo sát về nạn săn bắt, buôn bán động vật ở các xã vùng đệm các vườn quốc gia và khu bảo tồn. Năm 2003, Johnson và các cộng sự đã tiến hành khảo sát về nạn săn bắt và sử dụng động vật hoang dã ở khu bảo tồn Quốc gia Nam Ha (Lào), các chuyên gia khảo sát đã xác định được các loài động vật thường bị người dân địa phương săn bắt, mùa săn bắn, phương pháp săn, giá trị của động vật hoang dã và giá thị trường cho từng loài. Cũng trong năm đó, dự án Xây dựng các Khu bảo tồn nhằm Bảo vệ Tài nguyên Thiên nhiên trên Cơ sở Sinh thái Cảnh quan (PARC) thực hiện đánh giá tình trạng buôn bán động vật hoang dã ở huyện Nà Hang, Tuyên Quang. Dự án này cũng tập trung xác định các loài động vật thường bị người dân địa phương săn bắt và buôn bán, xác định giá trị động vật và giá thị trường cho từng loài. Mặc dù hữu ích, nhưng các khảo sát này chưa hướng đến việc xác định các nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng buôn bán động vật hoang dã. Có một cuộc khảo sát đã sử dụng phương pháp tiếp cận xã hội trong đề cập vấn đề ở Việt Nam, đó là khảo sát phân tích thái độ, hành vi tiêu dùng các sản phẩm động vật hoang dã ở Hà Nội do Mạng lưới theo dõi, giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã toàn cầu (TRAFFIC) tiến hành năm 2007. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 47% người Hà Nội đã từng sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã, trong đó có các nhóm đối tượng như doanh nhân và công chức nhà nước. Kết quả cũng cho thấy nam giới sử dụng nhiều hơn nữ giới, những người có thu nhập và trình độ học vấn cao có xu hướng tiêu dùng các sản phẩm từ động vật hoang dã nhiều hơn. Tuy nhiên, các phân tích trong báo cáo chưa đề cập đến đặc tính, mục đích và động cơ của người tiêu dùng các sản phẩm từ động vật hoang dã. Hơn nữa, phạm vi khảo sát chỉ mới bó hẹp ở địa bàn Hà Nội, vốn là khu vực dân cư tương đối đặc thù so với một số vùng khác. Vì vậy kết quả khảo sát chưa nêu lên được bức tranh tổng quát về thái độ, hành vi đối với tiêu dùng các sản phẩm động vật hoang dã ở cấp độ quốc gia. Chính hạn chế này đã làm cho việc xây dựng các biện pháp thích hợp và hiệu quả nhằm đối phó với các nguyên nhân gốc rễ của vấn đề tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã trở nên khó khăn hơn. Mặc dù vậy, khảo sát ban đầu này vẫn là một bước đi đầu tiên đáng kể trong việc tìm hiểu thái độ, hành vi đối với tiêu dùng động vật hoang dã và là những chỉ dẫn quan trọng liên quan đến xây dựng chiến lược nhằm giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ động vật hoang dã.

Trong khảo sát này, chúng tôi cố gắng đi sâu tìm hiểu khía cạnh xã hội và địa lý của những người tiêu thụ động vật hoang dã. Qua đó, chúng ta có thể dự đoán một tương lai rõ ràng hơn về việc tiêu thụ các sản phẩm từ động vật hoang dã, từ đó có thể tìm ra được những cách thức tiếp cận vấn đề này một cách hiệu quả hơn.

Nuôi nhốt gấu trái phép ở Việt Nam

Gần đây, tình trạng nuôi nhốt gấu và động vật hoang dã trái phép ở Việt Nam đang ngày càng gia tăng do sự phát triển của thị trường tiêu thụ trong nước và sự suy giảm về số lượng động vật hoang dã trong tự nhiên do nạn săn bắt và buôn bán. Trước đây, gấu bị săn bắt và giết để lấy mật làm thuốc chữa bệnh.

Hình thái trang trại

gấu, hay cách gọi đúng hơn là trại nuôi nhốt gấu, được phát triển nhằm duy trì “thu hoạch” việc mật gấu từ những con gấu sống, mà gần như 100% có nguồn gốc từ tự nhiên. Mật gấu được khai thác trung bình vài tháng một lần. Hoạt động nuôi nhốt gấu tại trang trại quy mô lớn đã phát triển mạnh ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam; các nước như Lào và Myanmar hiện đang trong giai đoạn đầu phát triển các hoạt động tương tự. Trung Quốc có khoảng hơn 7,500 con gấu đang nuôi nhốt (Earth Island Institute 1997), trong khi ở Việt Nam số gấu nuôi nhốt vào khoảng 3.500 con. Tổng số gấu này chiếm khoảng 10% số lượng gấu ngựa trên toàn thế giới (WSPA 2002).



Ảnh: ENV

Tình trạng bảo tồn

Việt Nam có hai loài gấu: gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) và gấu chó (*Helarctos malayanus*). Gấu ngựa phân bố khá rộng rãi ở châu Á, từ Pakistan đến Malaixia, Siberi, và miền nam Trung Quốc. Gấu chó có kích thước chỉ bằng một nửa gấu ngựa, có nguồn gốc ở Đông Nam Á (Francis 2001), tuy nhiên khu vực phân bố

trải dài từ miền Bắc Ấn Độ đến bán đảo Đông Dương, một số vùng miền Nam Trung Quốc, và phía tây Ấn Độ. Cả 2 loài gấu đều được liệt vào danh mục các loài “dễ bị tổn thương” trong Sách Đỏ IUCN (IUCN 2010).

Ở Việt Nam, hiện còn rất ít cá thể gấu được ghi nhận còn tồn tại trong tự nhiên. Một số nhà khoa học cho rằng quần thể gấu trong tự nhiên đã suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu do hoạt động buôn bán các bộ phận cơ thể gấu, đặc biệt là túi mật sử dụng cho mục đích làm thuốc đông y (Servheen 1996; Shepherd 2001; Ellis 2005; Corlett 2007). Các thợ săn khi được phỏng vấn trong các cuộc điều tra, khảo sát tại các khu bảo tồn ở miền trung và miền nam Việt Nam đều đồng quan điểm với các nhà khoa học về sự vắng mặt và ngày càng khó thấy gấu trong các cuộc đi săn (ENV 2009 và 2010).



Gấu chó (*Helarctos malayanus*)
Ảnh: Andrew Piggott



Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*)
Ảnh: ENV

Luật pháp bảo vệ

Cả hai loài gấu ngựa và gấu chó đều được bảo vệ trong nhóm 1B của Nghị định 32/2006/NĐ-CP, văn bản pháp luật chính liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã do Chính phủ ban hành. Theo đó, việc săn bắt, buôn bán, vận chuyển, mua và bán gấu hay các bộ phận, dẫn xuất từ gấu (kể cả mật gấu) đều là vi phạm pháp luật.

Năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 02/2005/QĐ-BNN về quản lý gấu nuôi (Kiềm lâm 2005). Quyết định này nhằm tiến tới xóa bỏ tình trạng nuôi nhốt gấu bằng việc cho phép các chủ trang trại được quyền tiếp tục nuôi nhốt số gấu hiện tại nhưng không được bổ sung gấu mới. Theo Quyết định này, tất cả các cá thể gấu hiện đang được nuôi nhốt tại các trang trại tại thời điểm Quyết định ban hành đều phải được đăng ký, thời hạn đăng ký là cuối tháng 2 năm 2005. Bất kỳ cá thể gấu mới phát sinh nào được phát hiện sau thời hạn đăng ký sẽ bị tịch thu. Mỗi cá thể gấu đăng ký

đều được gắn một chip điện tử nhằm giúp cơ quan chức năng giám sát, theo dõi trong thời gian kiểm tra sau thời hạn đăng ký.

Gấu ngựa và gấu chó đều có tên trong Phụ lục I của CITES mà Việt Nam là thành viên từ năm 1994. Các hoạt động vận chuyển, buôn bán qua biên giới cá thể hay bộ phận, dẫn xuất của các loài có tên trong Phụ lục I đều bắt buộc phải có giấy phép xuất, nhập của Cơ quan quản lý CITES tại nước sở tại.

Tầm quan trọng về khía cạnh văn hóa

Mật gấu được sử dụng như vị thuốc đông y từ khoảng hơn 3.000 năm nay (WSPA 2002). Mật gấu thường được sử dụng để chữa một số bệnh như bệnh gan, bồng, sốt, chảy máu trong, loét dạ dày và một số bệnh khác (Mills 1992). Vì vậy, sử dụng mật gấu như một phương thuốc chữa bệnh đã được chấp nhận tại các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và một số nước trong khu vực. Người ta



Mật gấu được đóng trong lọ nhỏ để bán. Khách hàng thường muốn chứng kiến quá trình hút mật để đảm bảo hàng thật.

Ảnh: ENV

tin rằng gấu ngựa là loài động vật có giá trị sử dụng tốt nhất trong y học cổ truyền (Serheen 2001; Shepherd và Nijman 2008). Ngày nay, rất nhiều người Việt Nam vẫn tin rằng mật gấu là phương thuốc thần kỳ có thể chữa được bách bệnh, từ những căn bệnh thông thường như các vết bầm tím, đau bụng, bệnh về đường tiêu hóa cho đến những bệnh nan y như ung thư. Những quan niệm này có thể là kết quả của sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc, từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 938 sau Công nguyên (Nguyễn 2006).

Nền văn hóa Việt Nam được chia thành 3 khu vực rõ rệt: miền Bắc (vùng châu thổ sông Hồng), miền Trung và miền Nam (châu thổ sông Cửu Long). Văn hóa Trung Hoa ảnh hưởng sâu đậm nhất ở miền Bắc. Người Việt Nam và người Trung Quốc đều tin rằng ăn bộ phận nào của con vật thì sẽ có tác dụng tương tự với bộ phận đó ở cơ thể người; “ăn gì, bổ nấy”. Chẳng hạn, nếu ăn chân gà sẽ giúp người ăn khỏe chân hơn, chạy nhanh hơn. Người Trung Quốc và người Việt Nam đều đặc biệt ưa chuộng thịt và các sản phẩm chế biến từ động vật hoang dã vì họ tin rằng sử dụng thịt và sản phẩm từ động vật hoang dã sẽ mang lại cho họ sức mạnh giống như động vật trong tự nhiên, do đó mà nhu cầu tiêu thụ các động vật lớn và dũng mãnh như hổ, gấu là rất lớn.

Sự phát triển của hoạt động khai thác mật gấu ở Việt Nam

Cách đây khoảng 30 năm, gấu trong tự nhiên thường bị bắn chết để lấy túi mật và một số bộ phận cơ thể (Li 2004). Cho đến nay, Mano và Ishii (2008) ước tính tại Nhật Bản, hàng năm có khoảng 2.000 con gấu bị giết để lấy túi mật và các bộ phận cơ thể. Túi mật thường được sấy khô và bán cho các hiệu thuốc đông y (Feng et al. 2009). Tuy nhiên, vào đầu những năm 80 của thế kỷ trước, Triều Tiên đã phát triển một công nghệ mới khai thác mật từ những con gấu sống (WSPA 2002). Quá trình này bao gồm kỹ thuật dùng ống dẫn lưu bằng cách sử dụng một ống cao su hẹp một đầu, ấn vào dưới da rồi gắn vào túi mật qua phẫu thuật. Chủ gấu dùng một ống dẫn bằng cao su nhỏ gắn vào dưới da ở phía trên bắp đùi con gấu. Mật sẽ chảy vào đường ống



Bất chấp việc bán mật gấu là vi phạm pháp luật, một trại gấu ở Hà Nội công khai quảng cáo bán mật gấu
Ảnh: ENV

cao su vào một túi chất lỏng, người ta sẽ đổ mật ra khỏi túi chất lỏng này 2 tuần một lần hoặc hơn (AAF 2010). Phương pháp mới này cho phép khai thác mật rất nhiều lần từ một con gấu đang sống. Công nghệ này ngay lập tức lan truyền khắp khu vực châu Á, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam. Ngày nay, các thợ săn thường săn gấu con trong tự nhiên sau đó bán lại cho các chủ trang trại nuôi lớn để hút mật. Khách mua mật gấu có thể trực tiếp chứng kiến quá trình hút mật để đảm bảo hàng thật trước khi mua mật gấu.

Trong những giai đoạn phát triển đầu tiên của công nghệ chích hút mật gấu ở Việt Nam, người ta phải mổ gấu ra để lấy mật. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra khá phức tạp và mất nhiều thời gian; phải mất một thời gian khá dài để con gấu bình phục lại trước khi phẫu thuật lại để lấy mật. Thêm vào đó, gấu cũng chịu nguy cơ bị nhiễm trùng và biến chứng do phẫu thuật. Hiện nay, quy trình khai thác mật gấu đã phát triển với kỹ thuật tiên tiến, chỉ cần sử dụng một máy siêu âm để định vị túi mật, sau đó sử dụng kim tiêm hút mật trực tiếp từ túi mật. Sử dụng công nghệ này mang lại lợi nhuận cao hơn cho chủ gấu do quá trình

hút mật diễn ra khá đơn giản và có thể thực hiện hàng tháng. Ngoài ra, phương pháp này cũng giúp giảm nguy cơ bị nhiễm trùng do không phải phẫu thuật. Hoạt động khai thác mật gấu ở Việt Nam phát triển khá nhanh kể từ cuối những năm 1990 nhờ sự tăng trưởng về kinh tế và mức sống tăng lên rõ rệt, đặc biệt là ở các khu vực thành thị, thu nhập của nhiều người dân cho phép họ tiêu dùng những mặt hàng xa xỉ mà chỉ cách đây 10 năm vẫn là niềm mơ ước của họ. Số lượng gấu trong các trại nuôi tăng lên do số gấu con mới bị săn bắt được buôn bán vào các trại gấu. Sự phát triển các trang trại nuôi gấu được thể hiện rất rõ ở các tỉnh phía Bắc.

Các trang trại gấu thường rất đa dạng về kích thước và quy mô, từ một cho đến cả trăm con. Các chủ trang trại lớn thường có xu hướng hoạt động dưới sự “bảo trợ” của cơ quan chức năng hoặc của những người có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Tuy nhiên, số lượng trại gấu với quy mô nhỏ từ 1–2 con vẫn chiếm phần lớn.

Trước đây, giá mật gấu tại Việt Nam vào khoảng 10 USD/cc, tuy nhiên 5 năm trở lại đây đã giảm xuống chỉ còn từ 1–2 USD/cc do lượng cung tăng lên. Để đối phó với sự sụt giảm giá trong nước, nhiều chủ trại gấu bắt đầu hướng đến thị trường nước ngoài.



*Phương thức hiện đại để hút mật sử dụng một máy siêu âm giúp định vị túi mật trước khi chọc kim tiêm vào hút qua một ống dẫn lưu.
Ảnh: ENV*

Một số trại gấu lớn bắt đầu phát triển hình thức “du lịch trại gấu” thông qua việc tổ chức các chuyến tham quan trang trại cho khách du lịch Hàn Quốc và Trung Quốc để chứng kiến quy trình chích hút mật gấu trước khi mua mật, thông thường với giá rất cao (ENV 2008, Nguyễn 2009). Ít nhất 6 trại gấu tại Vịnh Hạ Long, di sản UNESCO và 1 trại gấu dành cho du khách Hàn Quốc ở Tp. Hồ Chí Minh đang tổ chức hình thức hoạt động mới này. Các trang trại bất hợp pháp này thường hoạt động rất tinh vi và kín kẽ, do vậy thường qua mặt được các cơ quan chức năng địa phương.

Hoạt động khai thác mật gấu tồn tại ở Việt Nam bất chấp luật pháp ngăn cấm vì rất nhiều nguyên nhân, trong đó có quan niệm rằng chích hút và sử dụng mật

gấu không phải là một hành động trái đạo đức, xuất phát từ truyền thống văn hóa và quan niệm lâu đời về công dụng chữa bệnh của mật gấu. Hơn nữa, các cơ quan chức năng khi phát hiện gấu nuôi nhốt trái phép thường vẫn còn thiếu sự quyết tâm và cam kết lâu dài để xử lý vi phạm theo đúng tinh thần của luật pháp bảo vệ động vật hoang dã mà chính họ đã đề ra.

Vấn đề bảo vệ số lượng gấu ít ỏi còn sót lại trong tự nhiên của Việt Nam đòi hỏi chế tài pháp luật mạnh, cơ quan chức năng thực thi tốt nhiệm vụ và nỗ lực giảm thiểu việc tiêu thụ mật gấu của người dân. Trên thực tế, thói quen sử dụng mật gấu có cội nguồn sâu xa trong văn hóa Việt Nam và đã được xã hội chấp nhận là một rào cản lớn cần vượt qua. Tuy nhiên, vẫn còn rất ít thông tin về động cơ khiến người tiêu dùng sử dụng mật gấu, điều này gây trở ngại cho



Ảnh: ENV

việc đưa ra những biện pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ mật gấu, một trong những yếu tố quan trọng trong việc chấm dứt tình trạng nuôi nhốt gấu và tăng cường bảo vệ những cá thể gấu còn lại trong tự nhiên.

Nghiên cứu này rất đặc biệt bởi đây là lần đầu tiên một chương trình nghiên cứu tập trung vào khía cạnh địa lý và nhân khẩu học khi đề cập đến vấn đề tiêu thụ sản phẩm động vật hoang dã quý hiếm. Các tổ chức bảo tồn hy vọng có thể hướng các nỗ lực nâng cao nhận thức như thực hiện các chiến dịch truyền thông nhằm tạo ra sự tác động lớn nhất. Bằng trực giác, tìm hiểu về người tiêu dùng là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng các chiến dịch hiệu quả và mang lại kết quả khả quan. Xem xét các nguyên nhân vì sao người tiêu dùng sử dụng mật gấu và khả năng tập trung vào từng bộ phận dân cư nhất định là các yếu tố cần thiết trong việc tìm hiểu về người tiêu dùng mật gấu. Trước khi khảo sát này được thực hiện, tình trạng tiêu thụ mật gấu ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam hầu như chưa được nghiên cứu.

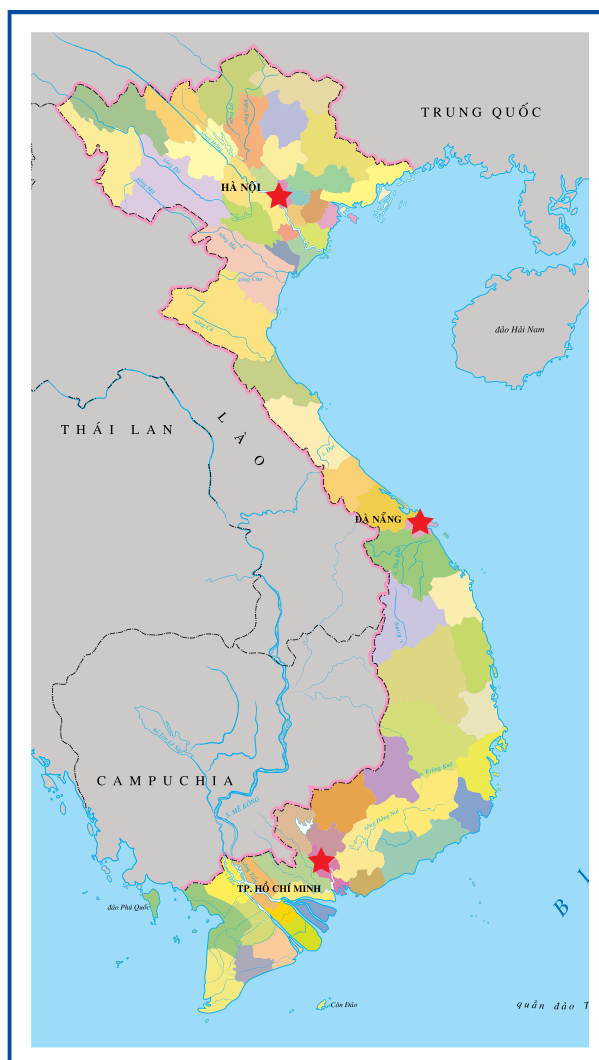
Kết quả của cuộc khảo sát sẽ thử nghiệm những giả định thông thường, cung cấp cho các cơ quan chức năng và các tổ chức bảo tồn những thông tin chi tiết hơn về người tiêu thụ mật gấu và động cơ sử dụng mật gấu, từ đó giúp các cơ quan chức năng hoạch định chính sách, thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng cường thực thi pháp luật. Những phát hiện của cuộc điều tra cũng có thể cung cấp một bức tranh toàn cảnh hơn, rộng lớn hơn về các nguyên nhân xã hội của tình trạng buôn bán các sản phẩm động vật hoang dã nguy cấp, đặc biệt là với những người tiêu dùng các sản phẩm động vật hoang dã tương tự, như là cao hổ.

CHƯƠNG II - PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

Khảo sát được thực hiện vào khoảng giữa năm 2009 tại ba thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích của khảo sát nhằm thu thập thông tin về các đặc tính nhân khẩu học và động cơ sử dụng mật gấu ở Việt Nam. Ba thành phố được lựa chọn đại diện cho khu vực dân cư đô thị của 3 miền bắc, trung, nam (Sơ đồ 1).

Bảng hỏi được thiết kế gồm 19 câu hỏi, 4 câu đầu dành cho cả 2 đối tượng đã từng sử dụng và chưa sử dụng mật gấu, với mục đích thu thập các thông tin chi tiết của đối tượng được phỏng vấn như nơi ở, độ tuổi, trình độ văn hóa, đã từng sử dụng mật gấu chưa.

Ngoài ra, bảng hỏi còn dành 11 câu hỏi cho các đối tượng đã hoặc đang sử dụng mật gấu.



Sơ đồ 1: Khảo sát được thực hiện tại ba thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh

Những câu hỏi này nhằm tìm hiểu về nhận thức của người được phỏng vấn về công dụng của mật gấu, lý do sử dụng, tần suất sử dụng, nguồn cung cấp, ý định sử dụng trong tương lai, cũng như ý kiến của người được phỏng vấn về các biện pháp giúp giảm thiểu, chấm dứt tình trạng tiêu thụ mật gấu tại Việt Nam.

Những người sử dụng mật gấu được phân thành 2 nhóm: nhóm đã từng sử dụng và nhóm hiện đang sử dụng. Nhóm người đã từng sử dụng bao gồm những người đã từng sử dụng mật gấu bất kỳ thời điểm nào trước đó nhưng đã ngừng sử dụng trong vòng 2 năm trở lại đây. Nhóm người hiện đang sử dụng bao gồm cả những người đã sử dụng mật gấu ít nhất 1 lần trong vòng 2 năm gần nhất. Năm câu hỏi cuối dành cho những người không sử dụng mật gấu (những người có câu trả lời là “chưa” trong câu hỏi đầu), nhằm tìm hiểu nguyên nhân vì sao người được hỏi không sử dụng mật gấu, hiểu biết của họ về luật pháp, trung

cầu ý kiến để giảm thiểu tiêu thụ mật gấu và chấm dứt tình trạng nuôi nhốt gấu ở Việt Nam. Bảng hỏi đã được thử nghiệm ở Hà Nội và chỉnh sửa cho phù hợp trước khi tiến hành khảo sát chính thức.

Các cuộc phỏng vấn đều do cán bộ ENV thực hiện sau khi đã được tập huấn về phương pháp điều tra, kỹ năng phỏng vấn, và thực hành qua điều tra thử nghiệm. Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện (VTC) đã lựa chọn ngẫu nhiên và cung cấp cho ENV gần 9.000 số điện thoại. Sau đó, hơn 3.000 người ở độ tuổi từ 18 trở lên được phỏng vấn qua điện thoại tại nhiều thời điểm khác nhau (buổi sáng, buổi chiều, buổi tối và cuối tuần) để đảm bảo tiêu chí đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp. Sự tham gia của người được phỏng vấn hoàn toàn tự nguyện và đối tượng tham gia phỏng vấn có quyền rút lui bất kỳ lúc nào. Thời lượng cho mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 15 đến 25 phút.

Trong văn hóa phương Tây, tuổi tác là câu hỏi khá tế nhị, đặc biệt khi người được hỏi là nữ giới. Tuy nhiên, đối với Việt Nam, câu hỏi này không phải là vấn đề quá nhạy cảm. Mặc dù vậy, khi hỏi về tuổi tác, người phỏng vấn thường không hỏi thẳng mà thay vào đó là hỏi năm sinh. Cách hỏi này tránh được sự nhầm lẫn, bởi cách tính tuổi của người Việt không giống như phương Tây, người Việt Nam thường tính cả thời gian nằm trong bụng mẹ, vì vậy nếu tính theo cách tính này thì sẽ già hơn một tuổi so với cách tính tuổi của người phương Tây.

Khảo sát được tiến hành đối với các đối tượng một cách ngẫu nhiên không tính đến nghề nghiệp và thu nhập, do thực tế không thể thu thập được thông tin về thu nhập một cách trung thực, vì nhiều người e ngại đưa ra câu trả lời nếu họ đang thất nghiệp hoặc thu nhập quá thấp. Hơn nữa, thực tế là nhiều người không thường xuyên theo dõi thu nhập của mình là bao nhiêu, đặc biệt nếu họ có nhiều nguồn thu nhập khác nhau.

Ở Việt Nam, sử dụng mật gấu mặc dù trái pháp luật nhưng vẫn được xã hội chấp nhận. Chính vì vậy, sử dụng mật gấu không bị coi là hành vi trái đạo đức trong tâm thức người Việt Nam. Đó là lý do tại sao người Việt không e ngại khi được hỏi có sử dụng mật gấu hay không.

Quản lý và phân tích cơ sở dữ liệu

Trong quá trình phân tích, các đối tượng tham gia được chia thành 5 nhóm tuổi: nhóm những người 20 tuổi (bao gồm cả những người 18 và 19 tuổi), nhóm 30 tuổi, 40 tuổi, 50 tuổi và 60 tuổi (nhóm này bao gồm cả những người trên 60 tuổi). Sự phân chia này dựa trên giả định các điểm tương đồng về tình trạng sức khỏe, thu nhập và địa vị xã hội. Chẳng hạn, những người trong nhóm tuổi 20 thường là những người đang trong giai đoạn đầu của nghề nghiệp và ít gặp vấn đề về sức khỏe, bệnh tật. Ngược lại, những người ở nhóm tuổi 60 là những người có nguy cơ ốm đau, bệnh tật cao, và đang chuẩn bị hay đã nghỉ hưu.

Trong khi đó, những người ở nhóm tuổi 40 và 50 là những người đang ở đỉnh cao về sự nghiệp, sức khỏe khá ổn định, và đạt mức thu nhập tương đối tốt. Dựa vào tiêu chí tần suất sử dụng, những người đang sử dụng mật gấu được chia thành 4 nhóm: nhóm những người có số lần sử dụng không đáng kể, bao gồm những người chỉ mới sử dụng mật gấu 1 lần trong vòng 2 năm gần nhất; nhóm những người sử dụng ít bao gồm những người sử dụng từ 2 đến 5 lần; nhóm những người sử dụng mức trung bình bao gồm những người đã sử dụng từ 6 đến 15 lần, còn lại nhóm những người thường xuyên sử dụng là những người đã sử dụng trên 15 lần.

Các thông tin thêm về người được phỏng vấn như giới tính, giá trị của mật gấu do chủ quan đánh giá, mục đích sử dụng mật gấu, nhận thức về luật pháp, hành vi, thái độ đối với vấn đề bảo vệ động vật cũng sẽ được thu thập, vì một số người có thể đã từng chứng kiến quá trình chích hút mật gấu hoặc đã nhìn thấy gấu nuôi nhốt. Kết quả cũng được phân tích về mặt địa lý bằng cách so sánh giữa ba thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình phân tích, chúng tôi có sử dụng ba mô hình hồi quy nhị phân. Mô hình đầu tiên được sử dụng cho ý nghĩa thống kê của các biến số nhân khẩu học (chẳng hạn như trình độ văn hóa, giới tính, độ tuổi và địa lý) trong việc dự đoán mức tiêu thụ mật gấu. Mô hình thứ hai và ba được thử nghiệm để xem xét liệu có thể dựa vào các biến số nhân khẩu học để dự đoán việc sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí và bồi bổ sức khỏe, giúp xác định các thông tin điển hình liên quan đến các nhóm người tiêu thụ mật gấu đặc thù này.

Hạn chế

- Khảo sát không thể xác định chính xác ngành nghề hay thu nhập hàng năm của đối tượng được phỏng vấn do nhiều người không muốn tiết lộ thông tin về ngành nghề và mức thu nhập, và người thiết kế bảng hỏi cũng đã lường trước rằng thông tin nếu có được cung cấp cũng chưa hẳn đã chính xác.
- Khảo sát chưa tiếp cận được với những người không sử dụng điện thoại cố định hoặc đang sử dụng điện thoại di động, trong khi điện thoại di động hiện đang là phương tiện liên lạc phổ biến.
- Khảo sát chỉ mới thực hiện ở ba thành phố lớn, do đó kết quả có thể chưa phản ánh được thái độ, hành vi đối với vấn đề sử dụng mật gấu của những người sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa.
- Phương pháp phân tích khảo sát chỉ dựa trên câu trả lời bằng lời nói của người được phỏng vấn. Một số người có thể đã không đưa câu trả lời phản ánh đúng thực tế vì nguyên nhân hay động cơ nào đó. Chẳng hạn, một số người có thể đã sử dụng mật gấu nhưng khi được hỏi qua điện thoại họ lại không dám nói thật do lo sợ một điều gì đó.

CHƯƠNG III - KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Tiêu thụ mật gấu nhìn từ góc độ nhân khẩu học

Hơn 3.000 người tại ba thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh đã được phỏng vấn qua điện thoại. Tổng số 3.032 người đã tự nguyện tham gia trả lời toàn bộ bảng hỏi. Trong số này, nữ giới tham gia là 1.871 người, nhiều hơn nam giới (1.161 người), nguyên nhân có thể là phụ nữ thường nhắc máy trả lời điện thoại tại gia đình. Hà Nội có tỷ lệ nam giới tham gia đông nhất (chiếm 39,9%), trong khi Tp. Hồ Chí Minh có tỷ lệ thấp nhất (36,9%) (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng người tham gia khảo sát theo địa lý.

Địa điểm	Nam	Nữ	Tổng cộng
Hà Nội	405	611	1.016
Đà Nẵng	383	622	1.005
Tp. Hồ Chí Minh	373	638	1.011
Tổng cộng	1.161	1.871	3.032

Tất cả những người tham gia phỏng vấn đều cho biết đang ở độ tuổi từ 18 trở lên. Do sử dụng phương pháp thu thập mẫu ngẫu nhiên, sự phân bố về độ tuổi là không đồng đều giữa các nhóm tuổi khác nhau. Những người ở độ tuổi 20 có số lượng tham gia đông nhất (852 người; 28,1%), tiếp theo là những người ở độ tuổi 40 (693 người; 22,9%). Nhóm tuổi 60 trở lên có số lượng tham gia ít nhất, chỉ có 381 người (Bảng 2).

Bảng 2. Sự phân bố về độ tuổi của những người tham gia phỏng vấn.

Nhóm tuổi	Nam	Nữ	Tổng cộng	
			Số lượng	Tỷ lệ %
18-29 (nhóm tuổi 20)	314	538	852	28,1
30-39 (nhóm tuổi 30)	196	407	603	19,9
40-49 (nhóm tuổi 40)	280	413	693	22,9
50-59 (nhóm tuổi 50)	203	300	503	16,6
≥60 (nhóm tuổi ≥60)	168	213	381	12,6
Tổng cộng	1.161	1.871	3.032	100,0

Những người tham gia phỏng vấn được chia thành hai nhóm theo trình độ học vấn. Hơn nửa số người tham gia (59,8%) được hỏi cho biết đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc thấp hơn (trình độ cơ bản). Gần một nửa số nam giới tham gia (chiếm 48,1%) có trình độ học vấn cao trong khi một phần lớn nữ giới (chiếm 64,7%) chỉ có trình độ học vấn ở mức cơ bản (Bảng 3).

Bảng 3. Trình độ học vấn của người tham gia phỏng vấn

Trình độ học vấn	Nam	Nữ	Tổng cộng	
			Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	602	1.211	1.813	59,8
Cao	559	660	1.219	40,2
Tổng cộng	1.161	1.871	3.032	100,0

Chỉ có 655 người trong số 3.032 người được hỏi (chiếm 21,6%) cho biết đã từng sử dụng mật gấu, 399 người (11,2%) cho biết đã sử dụng mật gấu trong 2 năm qua. Ngoài ra, 7,7% số người chưa từng sử dụng mật gấu trước đây cho biết chắc chắn sẽ sử dụng trong tương lai. Trong khi đó 21,4% số người chưa sử dụng mật gấu cho biết không chắc chắn có sử dụng trong tương lai hay không. Gần một nửa số người chưa bao giờ sử dụng mật gấu (1.497 người) cho biết sẽ không sử dụng mật gấu trong tương lai (Bảng 4).

Bảng 4. Lịch sử sử dụng mật gấu của những người được phỏng vấn

Nhóm chính	Nhóm phụ	Tổng nhóm phụ	Tỷ lệ %	Tổng nhóm chính
Người sử dụng mật gấu	Hiện đang sử dụng	399	13,2	655
	Đã từng sử dụng	256	8,4	
Người không sử dụng mật gấu	Sẽ không sử dụng trong tương lai	1.497	49,4	2.377
	Sẽ sử dụng trong tương lai	232	7,7	
	Không rõ	648	21,4	

Các yếu tố nhân khẩu học của người sử dụng mật gấu

Kết quả khảo sát cho thấy nam giới sử dụng mật gấu nhiều hơn nữ giới. Trong số 1.161 nam giới được hỏi, 335 người (28,9%) cho biết đã từng sử dụng mật gấu và 90 người (7,8%) cho biết sẽ sử dụng mật gấu trong tương lai. Ngược lại, 320 người trong số 1.871 nữ giới được hỏi (17,1%) cho biết đã từng sử dụng mật gấu, và 142 người (8%) cho rằng sẽ sử dụng trong tương lai (Bảng 5).

Những người có trình độ học vấn cao hơn cũng sử dụng mật gấu nhiều hơn. Theo kết quả khảo sát, 27,5% số người có trình độ học vấn cao đã từng sử dụng mật gấu và 7,7% cho biết sẽ sử dụng. Trong số 1.813 người có trình độ học vấn cơ bản, 17,7% cho biết đã từng sử dụng và 7,6% sẽ sử dụng mật gấu trong tương lai (Bảng 5).

Vấn đề sử dụng mật gấu giữa các thành phố cũng rất khác nhau. Việc sử dụng mật gấu ở Hà Nội phổ biến hơn ở Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy 34,6% số người được hỏi ở Hà Nội đã từng sử dụng mật gấu (Bảng 5).

Bảng 5. Các yếu tố nhân khẩu học cơ bản của người sử dụng mật gấu

Hiện trạng sử dụng gấu	Tổng cộng	Giới tính		Trình độ học vấn		Thành phố		
		Nam	Nữ	Trung bình	Cao	Hà Nội	Đà Nẵng	HCM
Những người đã từng sử dụng	256	121	135	128	128	123	74	59
Những người hiện đang sử dụng	399	214	185	193	206	229	72	98
Những người sẽ sử dụng	232	90	142	138	94	99	87	46
Tổng cộng	887	425	462	459	428	451	233	203

Mô hình hồi quy các yếu tố nhân khẩu học

Do sử dụng phương pháp thu thập mẫu ngẫu nhiên dẫn đến các nhóm đối tượng điều tra không đồng nhất nên chúng tôi đã sử dụng các mô hình hồi quy để kiểm tra ý nghĩa thống kê của các mối quan hệ nhân khẩu. Tất cả các giá trị P (ngoại trừ Đà Nẵng) trong mô hình hồi quy (Bảng 6) gần bằng 0 chứng tỏ việc sử dụng mật gấu có mối liên quan chặt chẽ với các yếu tố khác như độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và địa lý.

Độ tuổi và địa lý là những yếu tố đặc biệt quan trọng liên quan đến quyết định việc tiêu thụ mật gấu của người dân. Yếu tố độ tuổi đóng vai trò lớn nhất (so với các yếu tố khác như giới tính, trình độ học vấn và vị trí địa lý). Những người ở độ tuổi cao hơn thường sử dụng phổ biến hơn những người ở độ tuổi 20. Đặc biệt, số người sử dụng mật gấu từ 60 tuổi trở lên cao gấp 2,8 lần so với những người ở độ tuổi 20 (Bảng 6).

Người dân sống ở Hà Nội có xu hướng sử dụng mật gấu cao hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. So với Đà Nẵng, những người sống ở Hà Nội có xu hướng sử dụng cao gấp 2,6 lần, tuy nhiên sự khác biệt này là không đáng kể giữa Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (Bảng 6).

Giới tính và trình độ học vấn cũng là những yếu tố quan trọng liên quan đến việc sử dụng mật gấu. Khi xem xét các yếu tố khác để kiểm tra tầm quan trọng của yếu tố giới tính, mô hình cho thấy nam giới có xu hướng sử dụng mật gấu nhiều hơn 1,8 lần so với nữ giới. Còn đối với yếu tố trình độ học vấn, mô hình cho thấy những người có trình độ học vấn cao có khả năng sử dụng mật gấu nhiều hơn 1,7 lần hơn so với những người có trình độ thấp hơn (Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả từ mô hình hồi quy về tình trạng tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam. Các tỷ lệ Exp(B) biểu thị số liệu có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng tiêu thụ mật gấu và các yếu tố khác.

Yếu tố	B	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(B)
Nam giới	.610	.094	42.113	1	.000	1.841
Trình độ học vấn cao	.547	.097	31.594	1	.000	1.728
Độ tuổi 30	.717	.144	24.876	1	.000	2.048
Độ tuổi 40	.537	.145	13.700	1	.000	1.711
Độ tuổi 50	.817	.148	30.371	1	.000	2.265
Độ tuổi ≥ 60	1.041	.155	45.027	1	.000	2.831
Hà Nội	.946	.112	70.872	1	.000	2.576
Đà Nẵng	-.135	.127	1.124	1	.289	.874
Hằng số	-2.696	.144	352.058	1	.000	.067

Động cơ của những người không sử dụng mật gấu

Phần lớn những người được hỏi (78,4%, trong đó 82,9% là nữ và 71,1% là nam) cho biết chưa bao giờ sử dụng mật gấu. Nhiều người trong số này cho biết trong tương lai họ sẽ vẫn không sử dụng mật gấu (63,4% nam và 62,9% nữ). Phần lớn những người này sống ở Đà Nẵng (772 người). Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng cho thấy rất ít số người sử dụng mật gấu (85 người) nói rằng sẽ ngừng sử dụng, trong đó có một nửa là người sống ở Hà Nội (Bảng 7).

Bảng 7. Đặc điểm nhân khẩu học cơ bản của những người không sử dụng mật gấu.

Hiện trạng sử dụng gấu	Giới tính		Trình độ học vấn		Thành phố		
	Nam	Nữ	Trung bình	Cao	Hà Nội	Đà Nẵng	HCM
Trước đây chưa sử dụng	826	1,551	1,492	885	664	859	854
Không bao giờ sử dụng	42	43	39	46	43	20	22
Không sử dụng trong hiện tại và tương lai	521	976	945	522	304	722	421

Những người có câu trả lời chưa từng sử dụng mật gấu đưa ra rất nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân chính là họ chưa có nhu cầu sử dụng, phần lớn số người được hỏi ở Hà Nội (60,1%) đều đưa ra lý do này. Nguyên nhân quan trọng thứ hai là nhiều người không biết công dụng chữa bệnh của mật gấu (21,6%), đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh (29,6%). Một phát hiện đáng ngạc nhiên là không có ai ở Hà Nội nói rằng họ không sử dụng mật gấu vì không biết được công dụng của nó. (Bảng 8).

Theo kết quả khảo sát, giá mật gấu không phải là nguyên nhân chính phản ánh nhu cầu tiêu thụ (Bảng 8). Giá mật gấu hiện tại (thống kê năm 2010) dao động trong khoảng từ 20.000 – 60.000 đồng/cc.

Tính pháp lý và sự quan tâm đối với vấn đề bảo vệ động vật hoang dã dường như không mấy ảnh hưởng đến quyết định sử dụng mật gấu. Chỉ có 30 người trong số 2.377 người nói rằng họ không sử dụng mật gấu vì vi phạm pháp luật và 56 người nói rằng họ không sử dụng mật gấu vì họ quan tâm tới các loài gấu (Bảng 8).

Bảng 8. Các nguyên nhân không sử dụng mật gấu

Nguyên nhân	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Chưa có nhu cầu	399	60,1	344	40,1	410	48,0	1.153	48,5
Không biết công dụng của mật gấu	0	0,0	261	20,4	253	29,6	514	21,6
Quá đắt	78	11,8	91	10,6	99	11,6	268	11,3
Không có tác dụng	42	6,3	9	1,1	10	1,2	61	2,6
Quan tâm tới loài gấu	19	2,9	18	2,1	19	2,2	56	2,4
Vi phạm pháp luật	11	1,7	13	1,5	6	0,7	30	1,3
Lý do khác	115	17,3	123	14,3	57	6,7	295	12,4

Hầu hết những người không sử dụng mật gấu (74,3%) ở cả ba thành phố, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh (75,3%) đều cho rằng sử dụng mật gấu là không vi phạm pháp luật. Thực tế này chứng tỏ nhận thức về luật bảo vệ động vật hoang dã của người dân còn thấp, các văn bản pháp luật hiện hành chưa đủ mạnh để tác động đến quyết định của người dân trong việc tiêu thụ mật gấu (Bảng 9).

Bảng 9. Nhận thức pháp luật về vấn đề sử dụng mật gấu của những người không sử dụng mật gấu.

Luật pháp có cho phép sử dụng mật gấu không?	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Không	191	28,8	209	23,0	211	24,7	611	25,7
Có	473	71,2	650	71,5	643	75,3	1.766	74,3

Khi được yêu cầu lựa chọn và sắp xếp theo thứ tự hiệu quả của các giải pháp nhằm giảm thiểu vấn đề sử dụng mật gấu, những người không sử dụng mật gấu đánh giá “các phương thuốc thay thế mật gấu” là giải pháp hiệu quả nhất (31,2%), đặc biệt là ở Đà Nẵng (300 người, 35,4%). Giải pháp quan trọng thứ 2 được lựa chọn là nâng cao nhận thức cộng đồng (28,4%), tiếp sau đó là giải pháp đóng cửa các trang trại nuôi gấu (26,2%); (Bảng 10).

Bảng 10. Xếp hạng các giải pháp giảm thiểu sử dụng mật gấu và chấm dứt tình trạng nuôi nhốt gấu của những người không sử dụng mật gấu.

Giải pháp	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Các phương thuốc thay thế	188	28,3	304	35,4	250	29,3	742	31,2
Nâng cao nhận thức	188	28,3	247	28,8	230	26,9	674	28,4
Đóng cửa các trang trại gấu	152	22,9	223	26,0	261	30,6	636	26,8
Thực thi pháp luật	109	16,4	85	9,9	104	12,2	298	12,5
Ý kiến khác	18	2,7	0	0	9	1,1	27	1,1

Đặc điểm và động cơ của những người sử dụng mật gấu

Có khá nhiều khác biệt trong vấn đề sử dụng mật gấu giữa nam và nữ. Nhìn chung, trong cả 3 thành phố được khảo sát, nam giới có xu hướng sử dụng nhiều hơn nữ giới (nam 28,9% và nữ 17,1%). Đặc biệt ở Hà Nội, 42% số nam giới được hỏi cho biết đã từng sử dụng mật gấu.

Ngược lại, chỉ có 20,1% nam giới ở Đà Nẵng và 23,6% ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết đã từng sử dụng mật gấu. Nữ giới ở Hà Nội cũng có xu hướng sử dụng nhiều hơn so với nam giới hay nữ giới ở Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Gần 30% nữ giới ở Hà Nội cho biết đã từng sử dụng mật gấu trong khi chỉ có 11,1% nữ giới ở Đà Nẵng và 10,8% ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết đã từng sử dụng mật gấu (Bảng 11).

Bảng 11. Sơ đồ phân bố người sử dụng mật gấu theo giới tính và địa lý.

Giới tính	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Nam	170	42,0	77	20,1	88	23,6	335	28,9
Nữ	183	29,8	69	11,1	69	10,8	320	17,1
Tổng cộng	352	34,7	146	14,5	157	15,5	655	21,6

Nhìn chung, số người sử dụng mật gấu tăng lên theo độ tuổi, đây là xu hướng phổ biến ở cả ba thành phố. Nhóm tuổi trẻ nhất (20 tuổi) có số lượng người sử dụng mật gấu ít nhất, chỉ có 14,7%, trong đó Hà Nội có tỷ lệ sử dụng cao nhất (24,4%). Những người ở nhóm tuổi 30 sử dụng mật gấu nhiều hơn những người ở nhóm tuổi 20 và 40. Nhóm tuổi 60 trở lên có tỷ lệ sử dụng cao nhất (32,3%), nhóm tuổi 50 có tỷ lệ sử dụng cao thứ 2 (26,4%). Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ sử dụng mật gấu ở nhóm tuổi 30 và 50 là tương đương nhau. (Bảng 12).

Bảng 12. Sơ đồ phân bố người sử dụng mật gấu theo độ tuổi và địa lý.

Nhóm tuổi	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
≤20	63	24,4	30	10,7	32	10,2	125	14,7
30	73	36,8	29	14,1	37	18,9	139	23,1
40	63	31,2	36	14,8	35	14,2	134	19,3
50	80	41,2	26	16,1	27	18,2	133	26,4
≥60	72	44,7	25	22,1	26	24,3	123	32,3

Khảo sát cũng cho thấy những người có trình độ học vấn cao hơn sử dụng mật gấu nhiều hơn, xu hướng này là như nhau ở cả ba thành phố. Có 321 người trên tổng số 1.813 người (17,7%) có trình độ học vấn cơ bản và 334 người trên tổng số 1.219 người (27,4%) có trình độ học vấn cao đã từng sử dụng mật gấu. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, sự chênh lệch giữa số người có trình độ học vấn cơ bản và học vấn cao sử dụng mật gấu cao hơn so với ở Đà Nẵng và Hà Nội (trình độ học vấn cơ bản: 12,6%, trình độ học vấn cao: 27,4%) (Bảng 13).

Bảng 13. Sơ đồ phân bố người sử dụng mật gấu theo trình độ học vấn và địa lý.

Trình độ học vấn	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Trung bình	163	30,6	74	12,1	84	12,6	321	17,7
Cao	189	39,1	72	18,4	73	21,2	334	27,4
Tổng cộng	352	34,6	146	14,5	157	15,5	655	21,6

Quan niệm về công dụng của mật gấu tương đối giống nhau ở cả 3 khu vực. Rất nhiều người sử dụng mật gấu (66,9%) tin rằng mật gấu có tác dụng chữa bong gân, các vết bầm và cơ bắp. Nhiều người tin rằng mật gấu nhìn chung rất tốt cho sức khỏe (40,2%). Ngoài ra, mật gấu cũng được cho là có thể chữa được một số loại bệnh khác như viêm khớp, dạ dày, các bệnh tiêu hóa, thậm chí là ung thư. Điều thú vị là chỉ có 3,1% số người sử dụng mật gấu ở Hà Nội cho biết mật gấu không có tác dụng chữa bệnh trong khi tỷ lệ này ở Thành phố Hồ Chí Minh là 13,4% (Bảng 14).

Bảng 14. Quan niệm về công dụng chữa bệnh của mật gấu.

Công dụng của mật gấu	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Chữa bong gân, các vết bầm và các vấn đề về cơ bắp	251	71,3	96	65,8	92	58,0	438	66,9
Bồi bổ sức khỏe	166	47,2	35	24,0	62	39,5	263	40,2
Chữa viêm khớp	64	18,2	35	24,0	35	22,3	134	20,5
Chữa ung thư	38	10,8	2	1,4	7	4,5	47	7,2
Chữa các bệnh tiêu hóa	35	9,9	5	3,4	10	6,4	41	6,3
Nhỏ mắt	0	0	10	6,8	0	0	10	1,5
Công dụng khác	29	8,2	15	10,3	10	6,4	73	11,2
Không có tác dụng	11	3,1	10	6,8	21	13,4	33	5,1

Lưu ý: Tổng cộng có thể hơn 100% vì một số người được hỏi có thể có hơn 1 câu trả lời.

Hầu hết những người tiêu thụ mật gấu với mục đích chữa các bệnh về cơ, các vết bầm, tiêu hóa và viêm khớp (72,5%), tuy nhiên cũng có một số người sử dụng mật gấu để bồi bổ sức khỏe (40,2%). Chỉ có một số ít (13,7%) uống mật gấu để giải trí.

Ở Đà Nẵng, xu hướng sử dụng mật gấu với mục đích chữa bệnh khá phổ biến (80,1%), chỉ có rất ít người (8,9%) dùng để bồi bổ sức khỏe. Ngược lại, tỷ lệ này ở Thành phố Hồ Chí Minh là 31,2% và để giải trí là 17,2%. Tỷ lệ người

uống mật gấu để chữa bệnh và bồi bổ sức khỏe ở Hà Nội khá cao (73,9% và 26,7%) trong khi tỷ lệ uống cho mục đích giải trí rất thấp (11,4%) (Bảng 15)

Bảng 15. Mục đích sử dụng mật gấu theo địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Bồi bổ sức khỏe	94	26,7	13	8,9	49	31,2	156	23,8
Chữa bệnh	260	73,9	117	80,1	98	62,4	475	72,5
Giải trí	40	11,4	23	15,8	27	17,2	90	13,7

Lưu ý: Tổng cộng có thể hơn 100% vì một số người được hỏi có thể có hơn 1 câu trả lời.

Nam giới và nữ giới có câu trả lời khá khác nhau về mục đích sử dụng mật gấu. Hầu hết nữ giới (88,1%) uống mật gấu để chữa bệnh và chỉ vài người trong số họ (2,5%) uống mật gấu để giải trí. Ngược lại, khoảng một nửa (56%) nam giới được hỏi sử dụng mật gấu cho mục đích chữa bệnh, trong khi chỉ có gần 1/4 (24,5%) sử dụng cho mục đích giải trí. Khoảng 1/4 nam giới uống mật gấu để bồi bổ sức khỏe trong khi con số này ở nữ giới chỉ là 14,7% (Bảng 16).

Bảng 16. Mục đích sử dụng mật gấu theo giới tính.

Mục đích sử dụng	Nam		Nữ		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Bồi bổ sức khỏe	109	25,5	47	14,7	156	23,8
Chữa bệnh	193	57,6	282	88,1	475	72,5
Giải trí	82	24,5	8	2,5	90	13,7

Lưu ý: Tổng cộng có thể hơn 100% vì một số người được hỏi có thể có hơn 1 câu trả lời.

Nhìn chung, trình độ học vấn không liên quan nhiều đến mục đích sử dụng mật gấu. Tỷ lệ người sử dụng cho mục đích chữa bệnh và bồi bổ sức khỏe là tương đương nhau giữa các nhóm người có trình độ học vấn khác nhau. Tuy nhiên, nhóm người có học vấn cao có tỷ lệ sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí cao hơn nhóm người có trình độ học vấn thấp (Bảng 17).

Bảng 17. Mục đích sử dụng mật gấu theo trình độ học vấn.

Mục đích sử dụng	Trình độ trung bình		Trình độ cao		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Bồi bổ sức khỏe	74	23,1	82	24,6	156	23,8
Chữa bệnh	240	74,8	235	70,4	475	72,5
Giải trí	36	11,2	54	16,2	90	13,7

Lưu ý: Tổng cộng có thể hơn 100% vì một số người được hỏi có thể có hơn 1 câu trả lời.

Không có sự khác biệt về mục đích sử dụng mật gấu giữa các nhóm tuổi và vị trí địa lý. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết mọi người ở tất cả nhóm tuổi sử dụng mật gấu cho mục đích chữa bệnh, chiếm từ 63,4 đến 83,2%, đặc biệt là nhóm người trẻ tuổi nhất ở cả 3 thành phố và nhóm người cao tuổi nhất ở Đà Nẵng (96%). Rất nhiều người sử dụng mật gấu cho biết đã từng sử dụng mật gấu như là một nguồn vitamin để bồi bổ sức khỏe. Mục đích sử dụng này khá phổ biến trong các nhóm từ trung niên trở lên (nhóm tuổi 40 chiếm 29,9%, nhóm tuổi 50 chiếm 29,3%, nhóm tuổi 60 chiếm 29,3%). Ngược lại, những người ở nhóm tuổi trẻ hơn ít sử dụng cho mục đích bồi bổ sức khỏe.

Trong số những người sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí chủ yếu là ở các nhóm tuổi từ 30 đến 50. Nhóm tuổi 20 và 60 có tỷ lệ sử dụng thấp nhất (tương ứng 9,6% và 7,3%) cho mục đích này (Bảng 18).

Bảng 18. Sử dụng mật gấu theo độ tuổi

Độ tuổi	Thành phố	Bồi bổ sức khỏe		Chữa bệnh		Giải trí	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
20	Hà Nội	5	7,9	58	92,1	3	4,8
	Đà Nẵng	4	13,3	25	83,3	4	13,3
	Tp. HCM	8	25,0	21	65,6	5	15,6
	Tổng	17	13,6	104	83,2	12	9,6
30	Hà Nội	16	21,6	55	74,3	11	14,9
	Đà Nẵng	2	6,9	23	79,3	5	17,2
	Tp. HCM	6	16,2	26	70,3	7	18,9
	Tổng	24	17,3	104	74,8	23	16,5
40	Hà Nội	19	30,2	42	66,7	10	15,9
	Đà Nẵng	3	8,3	26	72,2	9	25,0
	Tp. HCM	18	51,4	17	48,6	6	17,1
	Tổng	40	29,9	69	51,5	25	18,7
50	Hà Nội	28	35,0	53	66,3	10	12,5
	Đà Nẵng	3	11,5	19	73,1	4	15,4
	Tp. HCM	8	29,6	11	40,7	7	25,9
	Tổng	41	30,8	83	62,4	21	15,8
≥60	Hà Nội	26	36,1	52	72,2	6	8,3
	Đà Nẵng	1	4,0	24	96,0	1	4,0
	Tp. HCM	9	34,6	18	69,2	2	7,7
	Tổng	36	29,3	94	76,4	9	7,3

Các mô hình hồi quy bổ sung được lựa chọn để thử nghiệm các động cơ sử dụng mật gấu. Bảng 19 mô tả kết quả kiểm nghiệm mối liên hệ giữa người sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí với các đặc điểm nhân khẩu học. Kết quả cho thấy nam giới có xu hướng sử dụng cho mục đích giải trí cao gấp 12 lần nữ giới.

Độ tuổi cũng là yếu tố quan trọng để phân biệt mục đích sử dụng mật gấu. Những người thuộc nhóm tuổi từ 30 đến 50 có xu hướng sử dụng cao gấp 2 lần so với những người ở độ tuổi 20 hoặc 60 trở lên.

Về yếu tố địa lý, mặc dù Hà Nội có tỷ lệ người sử dụng mật gấu cao nhất, tuy nhiên, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí cao hơn 1,4 lần (Bảng 19).

Bảng 19. Kết quả từ mô hình tương quan - hồi quy biểu thị động cơ của người sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí.

Yếu tố	B	S.E.	Wald	Df	Sig.	Exp(B)
Nam giới	2.487	.383	42.235	1	.000	12.025
Trình độ học vấn cao	.373	.256	2.116	1	.146	1.452
Độ tuổi 30	.650	.405	2.581	1	.108	1.915
Độ tuổi 40	.764	.407	3.519	1	.061	2.147
Độ tuổi 50	.698	.413	2.861	1	.091	2.010
Độ tuổi ≥60	-.337	.480	.491	1	.483	.714
Tp. Hồ Chí Minh	.356	.293	1.483	1	.223	1.428
Đà Nẵng	.323	.306	1.117	1	.290	1.381
Hằng số	-4.439	.516	73.973	1	.000	.012

Địa lý là yếu tố có liên quan nhiều nhất đến mục đích sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe. Thống kê cho thấy số người sử dụng cho mục đích này ở Tp. Hồ Chí Minh cao gấp 5 lần và Hà Nội cao gấp 4,1 lần so với Đà Nẵng. Giới tính cũng là một yếu tố quan trọng. Số lượng nam giới sử dụng mật gấu cho mục đích bồi bổ sức khỏe cao gần 3 lần so với nữ giới. Hơn nữa, những người trong độ tuổi 40 hoặc cao hơn có xu hướng sử dụng cao gấp 3 lần so với những người ở độ tuổi thấp hơn. (Bảng 20).

Bảng 20. Kết quả từ mô hình tương quan - hồi quy biểu thị động cơ của người sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe.

Yếu tố	B	S.E.	Wald	Df	Sig.	Exp(B)
Nam giới	1.065	.206	26.647	1	.000	2.900
Trình độ học vấn cao	.054	.201	.071	1	.790	1.055
Độ tuổi 30	.174	.356	.239	1	.625	1.190
Độ tuổi 40	1.005	.340	8.714	1	.003	2.731
Độ tuổi 50	.979	.337	8.423	1	.004	2.661
Độ tuổi ≥60	.933	.342	7.462	1	.006	2.543
Tp. Hồ Chí Minh	1.619	.348	21.661	1	.000	5.049
Hà Nội	1.426	.324	19.349	1	.000	4.162
Hằng số	-3.718	.429	74.961	1	.000	.024

Trong số những người hiện đang sử dụng mật gấu, một phần đông (44,4%) được coi là sử dụng ít vì họ chỉ dùng từ 2 đến 5 lần trong vòng 2 năm. Một phần tư số người đang sử dụng mật gấu (11,3%) được cho là những người tiêu

thụ nhiều vì họ cho biết đã sử dụng trên 15 lần trong vòng 2 năm. Hà Nội có tần suất tiêu thụ cao nhất trong ba thành phố, với hơn 50% được phân loại là sử dụng nhiều (30,1%), sử dụng trung bình (20,9%) và sử dụng không đáng kể (7%). Ngược lại, Đà Nẵng có tần suất sử dụng thấp nhất với hầu hết người dùng hiện tại được phân loại là sử dụng ít (51,4%) hoặc sử dụng không đáng kể (20,8%) (Bảng 21).

Bảng 21. Tần suất sử dụng mật gấu trong 2 năm vừa qua.

Tần suất sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Sử dụng không đáng kể (1 lần)	16	7,0	15	20,8	14	14,3	45	11,3
Sử dụng ít (2-5 lần)	96	41,9	37	51,4	44	44,9	177	44,4
Sử dụng trung bình (5-15 lần)	48	20,9	11	15,3	26	16,3	75	18,8
Sử dụng nhiều (>15 lần)	69	30,1	9	12,5	4	24,5	102	25,6

Một số lượng lớn người sử dụng mật gấu (56,6%) cho biết không tự tìm mua mà do người thân hoặc bạn bè biếu, tặng. Trong số những người tự tìm mua mật gấu, 37.9% mua từ nhà dân, 29.5% mua từ trang trại gấu. Kết quả này cho thấy nhà dân và các trang trại gấu là 2 nguồn cung cấp phổ biến nhất. Bệnh viện, bác sỹ không phải là nơi người dân thường mua mật gấu. Chỉ có 3.3% số người mua nó rằng họ đã mua mật gấu từ hai nguồn này (Bảng 22).

Bảng 22. Nguồn cung cấp mật gấu.

Nguồn cung	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Được người khác cho	197	56,0	91	62,3	83	52,9	371	56,6
Nhà riêng	49	13,9	28	19,2	26	16,6	103	15,7
Trực tiếp từ các trang trại gấu	49	13,9	8	5,5	15	9,6	72	11,0
Nhà hàng/ quán cà phê / quán rượu	21	6,0	12	8,2	13	8,3	46	7,0
Hiệu thuốc đông y	27	7,7	5	3,4	10	6,4	42	6,4
Bệnh viện, bác sĩ, hiệu thuốc tây y	5	1,4	0	0	4	2,6	9	1,4
Nguồn khác	37	10,5	13	8,9	17	10,8	67	10,2

Có 85 người cho biết sẽ ngừng sử dụng mật gấu vì nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên là do sử dụng mật gấu không có tác dụng (52,9%), tiếp đó là mật gấu quá đắt (17,7%). Chỉ có rất ít người cho rằng sẽ không tiếp tục sử dụng mật gấu vì là vi phạm pháp luật hoặc quan tâm tới loài gấu (7,1%). Hai tám người còn lại (32,9%) cho rằng sẽ ngừng sử dụng vì các nguyên nhân khác như không an toàn hoặc “khó tìm thấy mật gấu thật” (Bảng 23).

Bảng 23. Nguyên nhân không tiếp tục sử dụng mật gấu.

Nguyên nhân	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Không hiệu quả	32	74,4	7	30,5	6	27,3	45	52,9
Đắt quá	7	35,0	1	5,0	7	31,3	15	17,7
Vi phạm pháp luật	1	2,3	2	10,0	3	13,6	6	7,1
Quan tâm đến loài gấu	1	2,3	2	10,0	2	9,1	5	5,9
Nguyên nhân khác	9	20,9	11	55,0	8	36,4	28	32,9

Tương tự với nhóm người không sử dụng mật gấu, 71% người tiêu dùng mật gấu cho rằng sử dụng mật gấu là không vi phạm pháp luật. Đà Nẵng là thành phố có tỷ lệ cao nhất về người sử dụng mật gấu cho rằng sử dụng mật gấu là vi phạm pháp luật (35%) (Bảng 24).

Bảng 24. Nhận thức về pháp luật của những người sử dụng mật gấu

Sử dụng mật gấu có hợp pháp không?	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Không	94	26,7	51	34,9	45	28,7	190	29
Có	258	73,3	95	60,9	112	71,4	465	71

Những người sử dụng mật gấu đánh giá các giải pháp để giảm thiểu tình trạng tiêu thụ mật gấu theo thứ tự ưu tiên tương tự như ý kiến của những người không sử dụng mật gấu. Theo đó, các phương thuốc thay thế mật gấu vẫn là biện pháp được lựa chọn nhiều nhất (31,3%), tiếp theo là nâng cao nhận thức cộng đồng (27,2%) và đóng cửa các trại gấu (24%). Chỉ có 15,9% số người được hỏi cho rằng biện pháp thực thi pháp luật là quan trọng và hiệu quả (Bảng 25).

Thứ tự xếp loại này ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tương đối giống nhau, tuy nhiên, 30,8% số người ở Đà Nẵng cho rằng nên sử dụng phương thuốc thay thế và 30,1% đề nghị đóng cửa các trại nuôi gấu.

Đà Nẵng có tỷ lệ thấp nhất những người cho rằng ban hành luật và thực thi pháp luật là biện pháp hiệu quả (10,3%), trong khi tỷ lệ này ở Hà Nội là 17,3% và Thành phố Hồ Chí Minh là 17,8% (Bảng 25).

Bảng 25. Giải pháp nhằm giảm thiểu tiêu thụ mật gấu và xóa bỏ trang trại nuôi nhốt gấu theo người sử dụng và vị trí địa lý.

Giải pháp	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Phương thuốc thay thế mật gấu	107	30,4	45	30,8	53	33,8	205	31,3
Nâng cao nhận thức cộng đồng	92	26,1	42	28,8	44	28,0	178	27,2
Đóng cửa các trại gấu	83	23,6	44	30,1	30	19,1	157	24,0
Thực thi pháp luật	61	17,3	15	10,3	28	17,8	104	15,9
Nguyên nhân khác	9	2,6	0	0	2	1,3	11	1,7

Hơn 1/3 số người sử dụng mật gấu với mục đích chữa bệnh cho rằng các phương thuốc thay thế mật gấu là giải pháp hiệu quả nhất nhằm giảm thiểu tình trạng tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh (42,9%). Trong khi đó, tỷ lệ này ở Đà Nẵng và Hà Nội chỉ là 34,2%. Nhiều người sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe cũng lựa chọn giải pháp này (24,4%), đặc biệt là ở Đà Nẵng (30,8%). Tuy nhiên, chỉ có 20,4% số người sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe ở Thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ giải pháp này. Cũng không có gì khó hiểu khi chỉ có 11,1% số người sử dụng mật gấu cho mục đích giải trí cho rằng thuốc thay thế là giải pháp hữu hiệu (Bảng 26).

Bảng 26. Tỷ lệ ủng hộ giải pháp các loại thuốc thay thế mật gấu theo mục đích sử dụng và vị trí địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Chữa bệnh	89	34,2	40	34,2	42	42,9	170	35,8
Bồi bổ sức khỏe	24	25,5	4	30,8	10	20,4	38	24,4
Giải trí	3	7,5	3	13,0	4	14,8	10	11,1

Nhiều người sử dụng mật gấu với các mục đích khác nhau cho rằng nâng cao nhận thức cộng đồng là giải pháp hiệu quả tiến tới xóa bỏ tình trạng tiêu thụ mật gấu và nuôi nhốt gấu, đặc biệt là nhóm người sử dụng mật gấu vì mục đích giải trí (34,4%). Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ người sử dụng cho mục đích giải trí và ủng hộ giải pháp này cao nhất (40,7%), xếp sau đó là Đà Nẵng (34,8%). Rất nhiều người sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe (32,7%) cho rằng nâng cao nhận thức cộng đồng là giải pháp hiệu quả, đặc biệt là Đà Nẵng (38,5%) và Thành phố Hồ Chí Minh (36,7%). Bên cạnh đó, 1/4 số người sử dụng mật gấu cho mục đích chữa bệnh ủng hộ giải pháp này (25,3%), đặc biệt là ở Đà Nẵng (27,4%) (Bảng 27).

Bảng 27. Tỷ lệ người ủng hộ giải pháp nâng cao nhận thức theo mục đích sử dụng và vị trí địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Giải trí	12	30,0	8	34,8	11	40,7	31	34,4
Bồi bổ sức khỏe	28	29,8	5	38,5	18	36,7	51	32,7
Chữa bệnh	67	25,8	32	27,4	21	21,4	120	25,3

Nhìn chung, giải pháp đóng cửa các trại gấu có tỷ lệ đồng thuận không cao. Trong số các nhóm người sử dụng mật gấu với các mục đích, chỉ có nhóm người sử dụng với mục đích giải trí (34,4%) đồng ý giải pháp này, đặc biệt là ở Đà Nẵng (43,5%). Tỷ lệ này ở những người sử dụng cho mục đích chữa bệnh là gần 1/4 (23%), những người sử dụng cho mục đích bồi bổ sức khỏe là 1/5 (21,8%) (Bảng 28).

Bảng 28. Tỷ lệ người ủng hộ giải pháp đóng cửa các trại nuôi gấu theo mục đích sử dụng và vị trí địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Giải trí	14	35,0	10	43,5	7	25,9	31	34,4
Chữa bệnh	60	23,1	32	27,4	17	17,4	109	23,0
Bồi bổ sức khỏe	21	22,3	3	23,1	10	20,4	34	21,8

Luật và thực thi pháp luật được coi là giải pháp ít hiệu quả nhất theo quan điểm của cả 3 nhóm sử dụng mật gấu theo mục đích giải trí, chữa bệnh và bồi bổ sức khỏe, ngoại trừ nhóm người sử dụng cho mục đích giải trí ở Hà Nội (25%) (Bảng 29).

Bảng 29. Tỷ lệ người đồng ý giải pháp thực thi pháp luật theo mục đích sử dụng và vị trí địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Giải trí	10	25,0	2	8,7	5	18,5	17	18,9
Chữa bệnh	39	15,0	13	11,1	17	17,4	5	18,5
Bồi bổ sức khỏe	17	18,1	1	7,7	10	20,4	28	18,0

Chỉ có một số rất ít những người sử dụng mật gấu lựa chọn giải pháp khác. (Bảng 30).

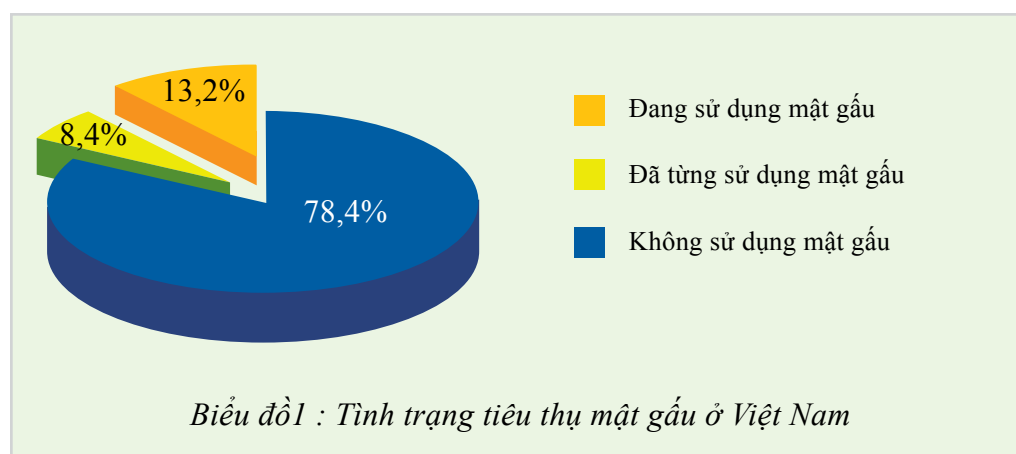
Bảng 30. Tỷ lệ người ủng hộ giải pháp khác theo mục đích sử dụng và vị trí địa lý.

Mục đích sử dụng	Hà Nội		Đà Nẵng		Tp. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Bồi bổ sức khỏe	4	4,3	0	0	1	2,0	5	3,2
Chữa bệnh	5	1,9	0	0	1	1,0	7	1,5
Giải trí	1	2,5	0	0	0	0	1	1,1

CHƯƠNG IV - THẢO LUẬN

Những phát hiện chính

Trong số 3.000 người tham gia khảo sát ở ba thành phố, 22% cho biết đã từng sử dụng mật gấu, nhưng chỉ có 13% cho biết đã sử dụng mật gấu trong vòng 2 năm qua. Phần lớn người dân sử dụng mật gấu với mục đích chữa bệnh (chiếm 73%), một số khác sử dụng để bồi bổ sức khỏe (24%), và chỉ có 14% sử dụng cho các mục đích giải trí.



Khảo sát cho thấy những người sử dụng mật gấu thường cho rằng mật gấu là “thần dược”. Rất nhiều người tin mật gấu có tác dụng chữa được bách bệnh từ bong gân, các vết bầm, cơ (67%), số ít còn lại cho rằng mật gấu có thể chữa được viêm khớp, ung thư, các bệnh về đường tiêu hóa và nhiều bệnh khác.

Tuổi là yếu tố quan trọng nhất liên quan đến việc sử dụng mật gấu, sau đó là vị trí địa lý, giới tính và trình độ học vấn.

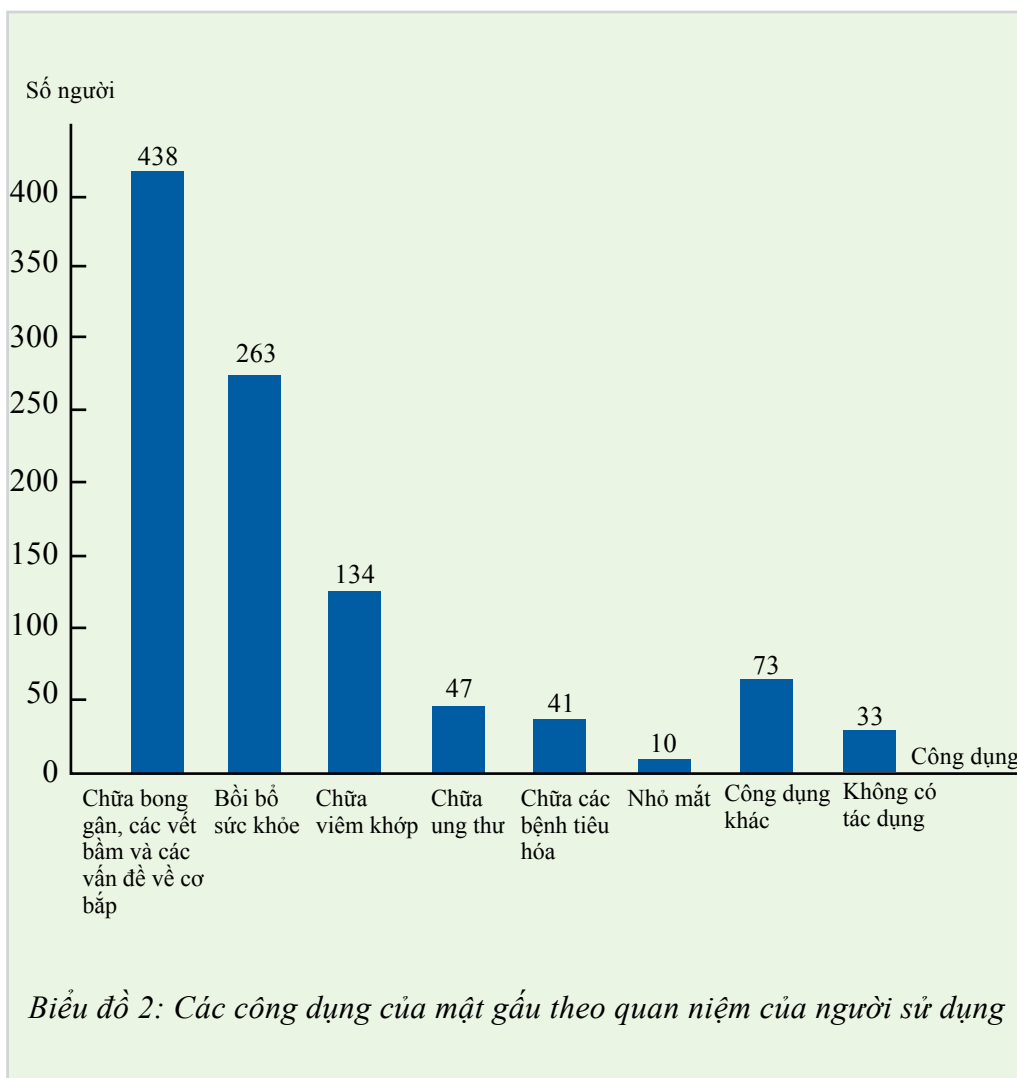
Mật gấu thường được ngâm rượu, dùng để uống trong các bữa ăn. Việc tiêu thụ mật gấu có nguồn gốc từ các bài thuốc cổ truyền chế biến từ động vật, thực vật để nhằm tăng cường sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm từ động vật hoang dã ngâm rượu, gọi là “rượu thuốc”. Rắn và tắc kè là hai loài được sử dụng ngâm rượu phổ biến nhất. Tuy nhiên ngày nay, bất kỳ loài động vật hoang dã nào cũng được dùng để ngâm rượu từ các bộ phận của chúng như dạ dày nhím, chân tay gấu, xương hổ cho đến nguyên con như khi, tê tê, rắn, kỳ đà.

Theo lời ông Hà Lê Hùng, một ông chủ nhà hàng đặc sản rừng, có khoảng hơn 100 loại rượu thuốc ngâm các loài động vật hoang dã, mỗi loại đều có công dụng chữa bệnh riêng (Bray 2010).

Quan niệm về tác dụng chữa bệnh của mật gấu đã ăn sâu vào suy nghĩ của người dân Việt Nam mà không dựa trên cơ sở khoa học nào. Quan niệm này tồn tại suốt bao thế kỷ, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bởi các thành viên trong gia đình hay do người thân, bạn bè, bác sĩ danh tiếng khuyên dùng.

Người ta tin rằng mật gấu có thể chữa được rất nhiều loại bệnh. Sáu mươi bảy phần trăm số người sử dụng tin rằng mật gấu có thể chữa được bong gân, bầm tím và các bệnh về cơ. Tăng cường sức khỏe là công dụng xếp thứ hai của mật gấu được nhiều người thừa nhận (40%). Công dụng này bao gồm cả những giá trị chung chung, không xác định (nhiều người khi được hỏi không thể đưa ra một căn bệnh cụ thể mà mật gấu có thể chữa trị). Ngoài ra, một nhóm nhỏ người sử dụng (20%) cho rằng mật gấu có thể chữa viêm khớp.

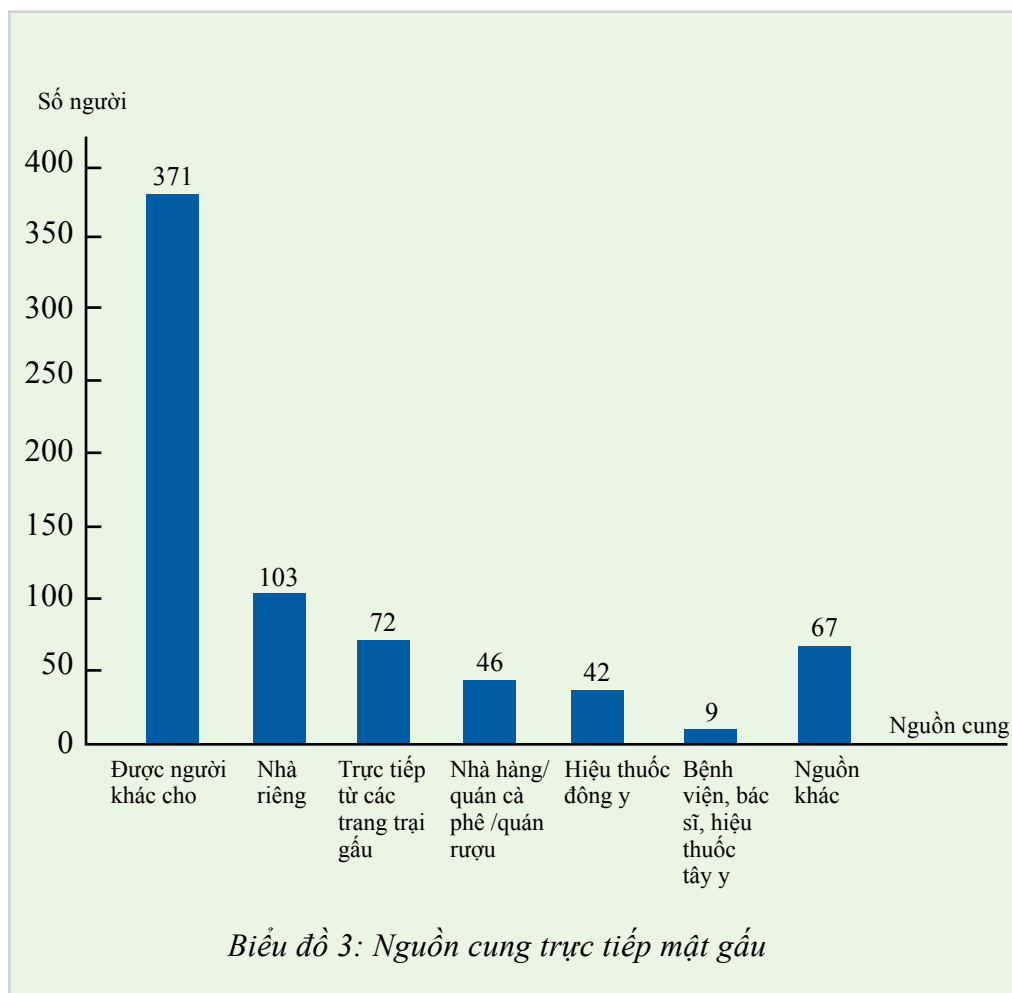
Rất ít người (7%) tin rằng mật gấu có thể chữa được bệnh ung thư và 6% cho rằng mật gấu có thể chữa được các bệnh về tiêu hóa, dạ dày, gan. Chỉ có 5% trong số những người sử dụng mật gấu cho rằng mật gấu không có tác dụng chữa bệnh.



Gần một nửa số người sử dụng mật gấu trong hai năm qua (44%) cho rằng đã sử dụng mật gấu từ 2 – 5 lần trong khoảng thời gian đó. Một tỷ lệ tương đương trong số những người hiện vẫn đang sử dụng cũng cho biết đã sử dụng mật gấu hơn năm lần trong vòng hai năm qua.

Người sử dụng thường xuyên (người sử dụng mật gấu năm lần trở lên trong vòng hai năm qua) thường sử dụng mật gấu với mục đích tăng cường sức khỏe (65%) hơn là những người sử dụng dưới năm lần (35%). Việc sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe và giải trí là tương đương nhau ở cả hai nhóm sử dụng trên và dưới năm lần. Con số này cho thấy tần suất sử dụng không phải là yếu tố quan trọng trong việc giảm thiểu tình trạng tiêu thụ mật gấu ở phương diện số lượng sử dụng cũng như số người sử dụng. Số người sử dụng với mục đích chữa bệnh còn lớn hơn, và do tỷ lệ sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe là tương đương nhau giữa hai nhóm (nhóm người sử dụng mật gấu năm lần trở lên và nhóm người sử dụng dưới năm lần trong hai năm) nên nếu chỉ tập trung vào nhóm người sử dụng thường xuyên (trên năm lần) thì nhóm người sử dụng dưới năm lần vốn cũng khá lớn nhưng lại bị loại ra.

Hơn một nửa số người tham gia khảo sát cho biết không trực tiếp mua mật gấu mà được người thân, bạn bè cho, biếu tặng (52%). Như vậy, có thể giả thiết rằng người thân và bạn bè có thể mua mật gấu từ các trang trại, nhà dân, các hiệu thuốc đông y... nhưng chỉ những người trực tiếp mua mật gấu từ một nguồn nào đó mới được tính trong khảo sát này.



Trong số những người trực tiếp mua mật gấu, 30% cho biết mua từ nhà riêng bao gồm hộ gia đình nuôi gấu hoặc chỉ bán mật gấu; 21% cho biết mua từ các trang trại gấu. Trang trại gấu được hiểu khác với nhà riêng ở đặc điểm trang trại gấu là cơ sở nuôi hơn 1 hoặc 2 con trở lên, và tổ chức các hoạt động chích hút mật và bán. Mười bốn phần trăm (14%) người sử dụng cho biết mua mật gấu từ nhà hàng, chủ yếu là những người sử dụng với mục đích giải trí trong khi 12% cho biết mua từ các hiệu thuốc đông y và gần 3% mua của các bác sĩ, bệnh viện.

Những kết quả này cho thấy các nhà dân nuôi gấu và các trang trại gấu là nguồn cung cấp mật gấu chủ yếu (51%). Con số này cũng phản ánh thực tế rất nhiều người muốn chứng kiến quá trình chích hút mật gấu sau đó mới mua để đảm bảo mua được hàng thật. Thực tế này cũng được minh chứng với người tiêu thụ cao xương hổ, và người tiêu thụ mật gấu trong đợt điều tra trước. (Báo cáo điều tra nạn buôn bán hổ của ENV, tháng 5/2010).

Các yếu tố quyết định sử dụng mật gấu

Độ tuổi

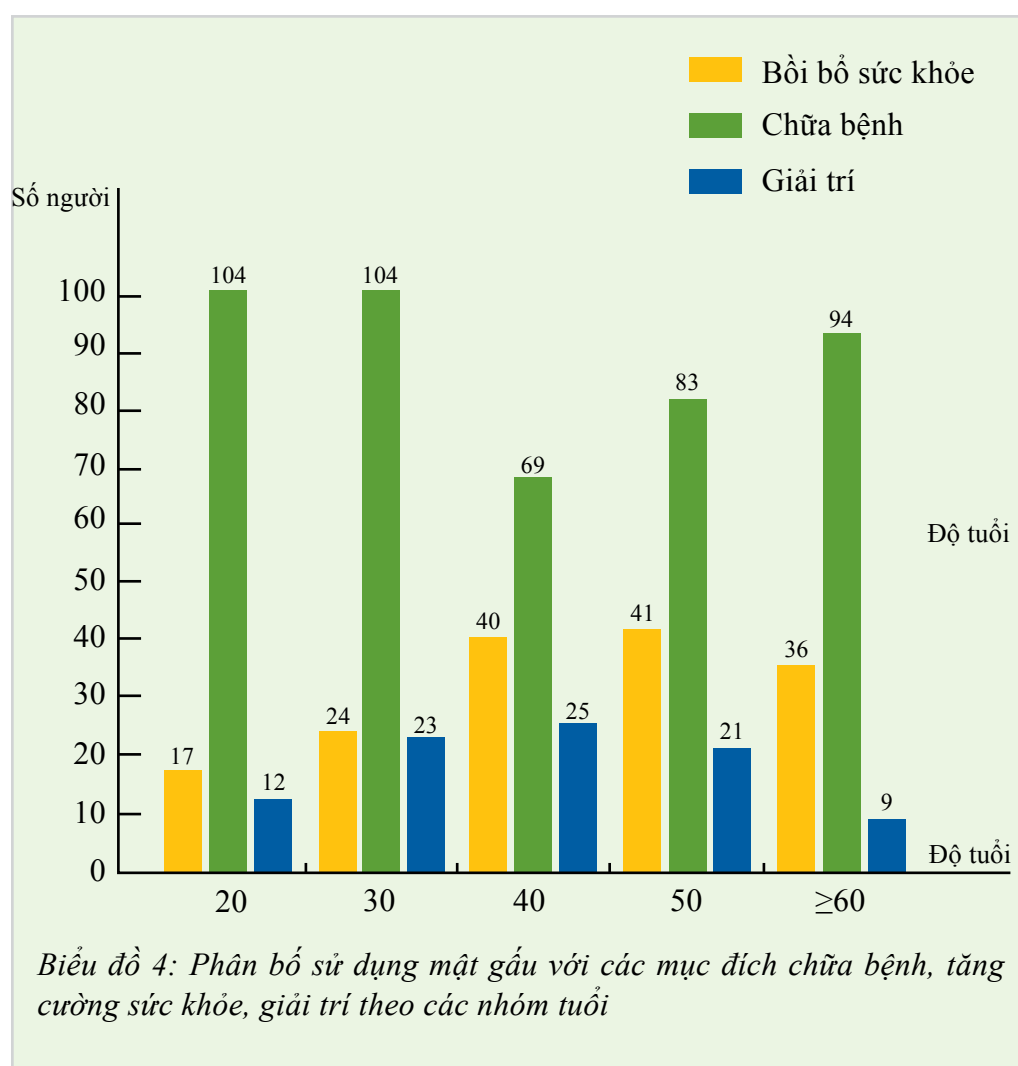
Mô hình hồi quy ở bảng 6 cho thấy độ tuổi là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định sử dụng mật gấu. Những người càng lớn tuổi càng có xu hướng sử dụng mật gấu nhiều hơn. Những người ở độ tuổi 60 trở lên là nhóm người sử dụng cao nhất (32%), những người ở độ tuổi 50 có nhu cầu cao thứ hai (26%). Ngược lại, những người ở độ tuổi 20 (nhóm tuổi trẻ nhất) là nhóm ít sử dụng nhất (15%). Mô hình này cũng cho thấy những người ở độ tuổi 60 trở lên có xu hướng sử dụng cao gấp 2,8 lần so với những người ở độ tuổi 20.

Xu hướng sử dụng mật gấu ở những người lớn tuổi có lẽ xuất phát từ quan niệm và lối tư duy truyền thống. Theo Craig (2002), rất nhiều người Việt Nam khi có bệnh thì gần như phụ thuộc hoàn toàn vào các phương thuốc y học cổ truyền trừ một số bệnh hiểm nghèo. Vì các phương pháp điều trị dân gian chịu nhiều ảnh hưởng của quan niệm âm dương, với các yếu tố vô hình và phi vật chất nên người Việt thường không cảm thấy cần thiết phải sử dụng các phương pháp dựa trên cơ sở khoa học hay phẫu thuật (Nguyễn 1985). Trong khi đó, y học cổ truyền là phương pháp điều trị quen thuộc và người dân luôn cảm thấy tin tưởng, thoải mái khi điều trị bằng đông y. Những người già thường không có thói quen đi khám hay vào bệnh viện cho đến khi bệnh đã quá nặng. Một số bệnh nhân lớn tuổi thường e ngại, sợ môi trường bệnh viện hoặc không tin tưởng phương pháp điều trị tại bệnh viện (D'Elia 2008). Trong một khảo sát tiến hành năm 2002, Nguyễn và cộng sự thấy rằng khoảng 70% người Việt Nam không tìm đến bệnh viện hay bác sĩ khi có bệnh.

Một nguyên nhân khác làm cho người già có xu hướng sử dụng mật gấu nhiều hơn là khi về già, con người thường mắc nhiều bệnh hoặc thường lo lắng hơn

về vấn đề tăng cường sức khỏe. Vì lẽ đó, kết quả khảo sát cho thấy những người ở độ tuổi 40 trở lên có xu hướng sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe cao gấp 3 lần so với những người ở độ tuổi 20. Khái niệm “bồi bổ sức khỏe” ở đây có thể được hiểu là tăng cường sinh lực, độ dẻo dai, tương tự như uống vitamin.

Trái lại, những người ở độ tuổi trung niên (30, 40, 50) thường sử dụng mật gấu cho mục đích chữa bệnh và duy trì sức khỏe nói chung. Tuy nhiên phân tích mô hình hồi quy cho thấy các nhóm tuổi trung niên này có xu hướng sử dụng mật gấu với mục đích giải trí cao gấp 2 lần so với các nhóm tuổi già hơn hoặc trẻ hơn, do những người ở độ tuổi này thường là những người đang ở đỉnh cao của sự nghiệp, có nguồn thu nhập tương đối tốt và có nhiều cơ hội tiếp cận với lối sống hưởng thụ.



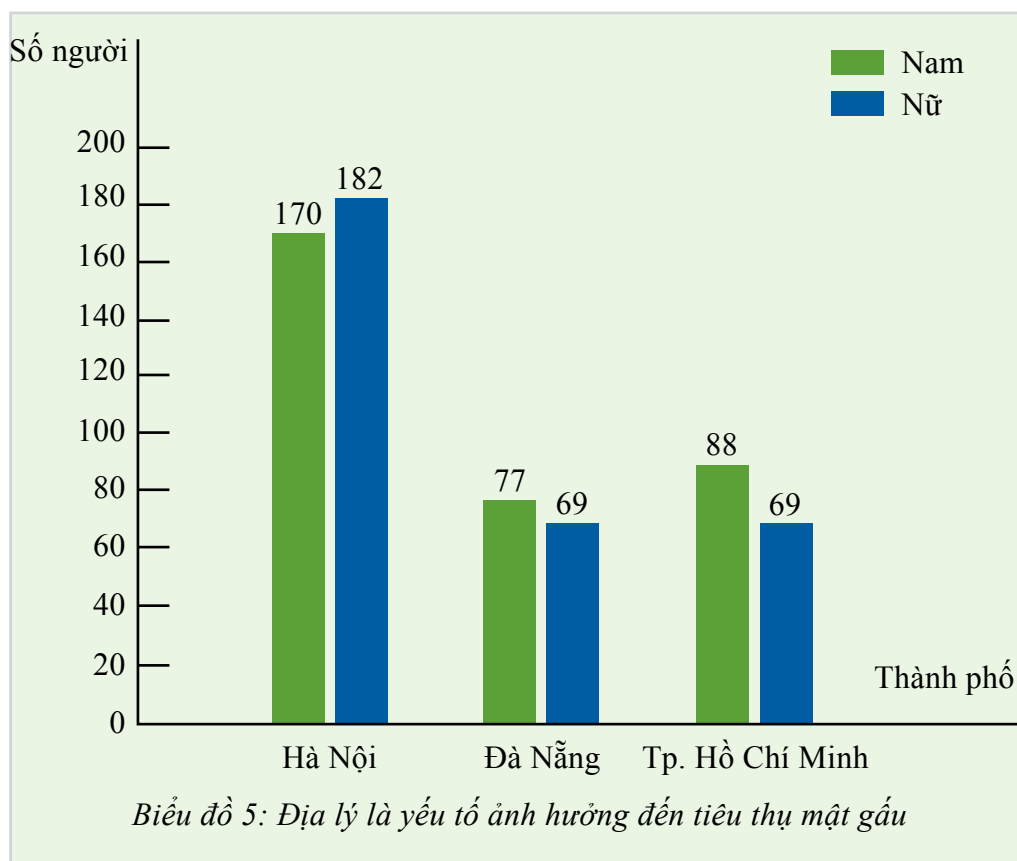
Những người ở độ tuổi 20 đại diện cho nhóm người tiêu thụ mật gấu thấp nhất (15%). Tương tự như các nhóm tuổi khác, những người ở độ tuổi 20 thường sử dụng mật gấu để chữa bệnh. Tỷ lệ này thấp có thể xuất phát từ thực tế những người trẻ thường ít ốm đau bệnh tật, dẫn đến nhu cầu về sử dụng y học cổ truyền cũng thấp hơn. Ngoài ra, những người trẻ thường cũng là những người

có thu nhập thấp do họ đang ở giai đoạn đầu của sự nghiệp. Vì vậy họ ít có khả năng tiêu dùng các sản phẩm đắt tiền như mật gấu để giải trí (10%) hay bồi bổ sức khỏe (14%).

Địa lý

Kết quả khảo sát cho thấy tình hình tiêu thụ mật gấu có sự chênh lệch ở các khu vực địa lý khác nhau. Hà Nội có tỷ lệ sử dụng cao nhất (35%), Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ xấp xỉ nhau (Đà Nẵng: 15%, TP Hồ Chí Minh: 16%). Mô hình hồi quy cho thấy tỷ lệ sử dụng mật gấu của người dân Hà Nội cao gấp 2,5 lần so với TP Hồ Chí Minh. Sự chênh lệch này có thể được giải thích bởi sự ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Trung Hoa ở miền Bắc Việt Nam. Sử dụng các sản phẩm động vật hoang dã trong văn hóa Trung Hoa đã tồn tại hàng thế kỷ nay (Mainka et al 1995) và rất nhiều phong tục tập quán của Trung Quốc đã ăn sâu vào văn hóa của người Việt Nam.

Miền Trung và miền Nam Việt Nam cũng chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, tuy nhiên miền Trung và miền Nam không thuộc lãnh thổ Việt Nam cho đến thế kỷ 10 sau Công nguyên, sau khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán, giải phóng nước Việt khỏi ách đô hộ hàng nghìn năm của phong kiến Trung Hoa và kế hoạch Nam tiến được triển khai. Theo Nguyễn (2001), miền Trung và miền Nam Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và Thái Lan.



Sự khác biệt về địa lý trong vấn đề tiêu thụ mật gấu có khả năng liên quan đến sự khác biệt văn hóa giữa ba miền Bắc, Trung, Nam hơn là các yếu tố kinh tế. Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của Thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng 2.800 USD trong khi Hà Nội chỉ đạt khoảng 1.800 USD. Trong khi các yếu tố về kinh tế thường được coi là đóng vai trò quyết định trong việc tiêu thụ động vật hoang dã của người tiêu dùng thì văn hóa dường như đóng vai trò quan trọng hơn trong quyết định tiêu thụ mật gấu. Niềm tin vào công dụng của mật gấu cũng như mục đích sử dụng ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam gần giống nhau.

Giới tính

Khảo sát cho thấy nam giới có xu hướng sử dụng mật gấu cao gấp 1,8 lần so với nữ giới. 29% nam giới được hỏi đã từng sử dụng mật gấu trong khi tỷ lệ này với nữ giới là 17%. Phụ nữ sử dụng mật gấu chủ yếu với mục đích chữa bệnh (88%), trong khi đó, nam giới sử dụng với cả 3 mục đích: chữa bệnh (58%), bồi bổ sức khỏe (33%) và giải trí (25%).



Đàn ông thường có xu hướng sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã hơn phụ nữ trong các hoạt động xã hội. Ảnh minh họa một bữa nhậu với thịt động vật hoang dã ở một tỉnh miền Nam.

Ảnh: ENV

Sự chênh lệch trong tỷ lệ sử dụng mật gấu giữa nam giới và nữ giới có thể có nguyên nhân một phần do sự nhận thức về giá trị của mật gấu khác nhau và sự khác biệt trong lối sống xã hội. So với nam giới, phụ nữ thường ít khi sử dụng mật gấu với mục đích bồi bổ sức khỏe hơn (33% của nam so với 15% của nữ). Điều này có liên quan đến quan niệm của hầu hết nam giới cho rằng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã như mật gấu giúp tăng cường sinh lực và khả năng tình dục. Tương tự, nam giới có xu hướng sử dụng mật gấu với mục đích giải trí cao gấp 12 lần nữ giới. Chỉ có 3% nữ giới sử dụng mật gấu với mục đích giải trí.

Sự chênh lệch trong tỷ lệ sử dụng mật gấu với mục đích giải trí giữa nam và nữ có lẽ phản ánh thực tế phụ nữ thường dành nhiều thời gian cho gia đình trong khi nam giới tham gia nhiều vào các mối quan hệ xã hội hơn. Theo Nguyễn và cộng sự (2003), rất nhiều hoạt động giao lưu của nam giới thường diễn ra quanh bàn tiệc và quán nhậu với sự tham gia của đồng nghiệp, gia đình, đối tác kinh doanh. Nam giới thường xuyên có nhiều cơ hội uống rượu bia hơn là nữ giới.

Trình độ học vấn

Vấn đề tiêu thụ mật gấu có liên quan khá mật thiết với trình độ học vấn. Những người có trình độ đại học, cao đẳng có xu hướng sử dụng cao gấp 1,7 lần so với những người có trình độ thấp hơn. Khảo sát cho thấy 27% người có trình độ học vấn cao sử dụng mật gấu trong khi những người có trình độ học vấn thấp hơn chỉ chiếm có 18%. Con số này phản ánh những người có trình độ học vấn cao hơn thường có thu nhập tốt hơn. Theo Dalton và cộng sự (2002), những người càng có thu nhập và trình độ học vấn cao thì càng có nhiều mối quan hệ xã hội hơn.

Động cơ không sử dụng mật gấu

Trong số 3.032 người tham gia phỏng vấn, 78% cho biết chưa từng sử dụng mật gấu. Khi đánh giá các cơ hội tiềm năng nhằm giảm thiểu việc tiêu thụ và sử dụng mật gấu, chúng ta cần tìm hiểu nguyên nhân tại sao đa số người dân không dùng mật gấu. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ một số rất ít người (3%) không sử dụng mật gấu cho biết họ không sử dụng vì mật gấu không có tác dụng.

Chỉ có 1% cho rằng sử dụng mật gấu là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, con số này có thể bị ảnh hưởng bởi nhận thức về pháp luật của người dân còn thấp. Khi phỏng vấn 611 không sử dụng mật gấu và có hiểu biết về luật pháp, chỉ có 30 người (5%) cho biết không sử dụng mật gấu vì nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật.

Chỉ có 2% số người không sử dụng mật gấu cho biết không dùng là do quan tâm đến loài gấu.

Những con số này dường như mâu thuẫn với quan niệm chung của nhiều nhà bảo tồn, những người mà họ cho rằng nhận thức về luật pháp, mối quan tâm đến vấn đề an sinh của loài và sự vô tác dụng của mật gấu

là 3 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng mật gấu của người dân. Thực tế, khi được hỏi lý do không sử dụng mật gấu, gần một nửa số người được hỏi (49%) cho biết vì chưa có nhu cầu, 10% cho biết sẽ sử dụng trong tương lai. Trong khi đó, 22% cho biết họ không biết mật gấu có tác dụng chữa bệnh và 11% cho rằng mật gấu quá đắt.



Ảnh: ENV

Điều thú vị là trong số 85 người cho biết sẽ không sử dụng mật gấu nữa, 53% trong số họ cho rằng họ không sử dụng nữa vì thấy mật gấu không có tác dụng, 17% cho biết giá mật gấu quá cao. Tuy nhiên, chỉ một số rất ít (7%) cho rằng không sử dụng vì đó là hành vi vi phạm pháp luật.

Khi phỏng vấn 190 người sử dụng mật gấu hiểu rằng tiêu thụ mật gấu là vi phạm pháp luật thì cũng chỉ có 6 người (3%) cho biết sẽ không sử dụng mật gấu nữa vì lí do này. Những phát hiện này nói lên rằng nhận thức về pháp luật dường như không ảnh hưởng đến quyết định sử dụng mật gấu.

Vấn đề an sinh cũng không phải là yếu tố chính quyết định việc không sử dụng mật gấu, bởi chỉ có 1% lựa chọn yếu tố này. Kết quả khảo sát cho thấy những người không sử dụng mật gấu và những người ngừng sử dụng mật gấu không chú tâm đến yếu tố này. Điều này nói lên rằng, hiện tại vấn đề an sinh chưa phải là công cụ gây ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng mật gấu của người dân Việt Nam.



Một con gấu bị cụt tay ở một trang trại tại Hà Nội.
Ảnh: WSPA

Khái niệm an sinh là khái niệm hoàn toàn mới ở Việt Nam, gần như tiếng Việt chưa có từ nào diễn tả được trọn vẹn và chính xác nghĩa của từ này.

Trên thực tế, kết quả điều tra cho thấy, một trong những phương pháp tiếp cận hiệu quả nhất để giảm thiểu tiêu thụ mật gấu là chứng minh “sự không hiệu quả”. Trong số những người không sử dụng mật gấu, chỉ một số rất ít người cho rằng họ không sử dụng là do mật gấu không có tác dụng. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa người sử dụng và người không sử dụng có lẽ là kết quả của sự trải nghiệm, những người đã sử dụng mật gấu thường hiểu được công dụng của mật gấu, và nếu như họ thấy rằng không có tác dụng, thì coi đó là “không hiệu quả”.

Nhận thức và pháp luật

Phần lớn người sử dụng mật gấu (71%) và không sử dụng mật gấu (74%) đều không nhận thức được đó là vi phạm pháp luật. Mặc dù gấu đã được pháp luật bảo vệ, việc sử dụng mật gấu vẫn chưa được cơ quan chức năng cũng như cộng đồng coi là hành vi vi phạm. Tiêu thụ mật gấu được coi là hành vi được xã hội chấp nhận ở Việt Nam bởi thực tế mật gấu đang được rao bán công khai tại các trang trại, các nhà hàng, cửa hiệu trên đường phố.

Các giải pháp chấm dứt tiêu thụ và sử dụng mật gấu

Khi được hỏi về các giải pháp để chấm dứt tình trạng tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam, những người sử dụng và không sử dụng (31%) đều cho rằng phương thuốc thay thế mật gấu là giải pháp hiệu quả nhất, đặc biệt là những người sử dụng mật gấu với mục đích chữa bệnh.

Nâng cao nhận thức cộng đồng được coi là giải pháp hiệu quả thứ hai với 28% số người của cả 2 nhóm (sử dụng và không sử dụng) lựa chọn, đặc biệt là những người sử dụng với mục đích bồi bổ sức khỏe và mục đích giải trí. Đóng cửa các trang trại gấu cũng có thể là một giải pháp hiệu quả với 26% số người được hỏi lựa chọn. Thực thi pháp luật được coi là giải pháp ít hiệu quả nhất khi chỉ có 13% ủng hộ.

Điều thú vị là đa số người dân khi được hỏi đều không cho rằng thắt chặt và thực thi pháp luật nghiêm minh là giải pháp chấm dứt tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu. Thực tế này cho thấy người dân còn thiếu tin tưởng vào hệ thống pháp lý cũng như hiệu quả của thực thi pháp luật, mặc dù kết quả khảo sát chưa làm sáng tỏ được các nguyên nhân vì sao chỉ có ít người ủng hộ giải pháp này.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy nâng cao nhận thức và phát triển các phương thuốc thay thế mật gấu có thể là những giải pháp hiệu quả nhất nhằm giảm thiểu tiêu thụ, buôn bán mật gấu, song song với giải pháp đóng cửa các trang trại gấu nhằm cắt đứt nguồn cung.

CHƯƠNG V - KHUYẾN NGHỊ

Chấm dứt tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu tại Việt Nam

Nhận thức

Dựa trên kết quả khảo sát, ENV đề nghị thực hiện một chiến dịch nâng cao nhận thức bền vững và lâu dài nhằm xóa dần quan niệm về công dụng của mật gấu, nhằm giảm thiểu nhu cầu và tình trạng tiêu thụ mật gấu.

Nâng cao nhận thức cho những người sử dụng mật gấu cũng như những người có khả năng sẽ sử dụng mật gấu là vấn đề ưu tiên trong mục tiêu giảm thiểu nhu cầu và tiêu thụ mật gấu. Một chiến dịch dài hạn và có quy mô toàn quốc, cần được thực hiện để giúp người dân nhận thức được mật gấu không phải là thần dược, để chữa trị nhiều loại bệnh khác nhau như dân gian vẫn thường quan niệm.



Chấm dứt nạn nuôi nhốt gấu đòi hỏi một chiến dịch lâu dài để giảm thiểu nhu cầu và việc sử dụng mật gấu. Các bạn trẻ đang cam kết không sử dụng mật gấu trong một chương trình do ENV tổ chức

Ảnh: ENV

Chiến dịch nên được tập trung thực hiện ở miền Bắc, khu vực có nhu cầu tiêu thụ mật gấu khá lớn nhưng cũng không nên bỏ qua các vùng khác trên cả nước. Chiến dịch nên quảng cáo, khuyến khích người dân sử dụng các loại thuốc tây

y và thảo dược thay bằng việc sử dụng mật gấu, đồng thời kêu gọi người dân nếu có bệnh nên đi khám ở bệnh viện hoặc các bác sĩ để có biện pháp điều trị đúng đắn.

Giới trẻ ngày nay dường như có xu hướng sử dụng thuốc tây y để điều trị và chữa bệnh hơn. Có thể đây kết quả của phong cách sống hiện đại, suy nghĩ “mở” hơn và được trang bị kiến thức hiện đại hơn. Thuốc tân dược cần được quảng cáo rộng rãi vì chúng có thể có tác dụng tốt hơn mật gấu, giá cả phải chăng lại sẵn có tại các hiệu thuốc trên khắp toàn quốc. Ngược lại, thảo dược có thể được những người già dễ chấp nhận hơn vì họ đã quen với các bài thuốc cổ truyền.

Những người ở lứa tuổi trung niên, đặc biệt là những người ở tầm tuổi 40-50, cũng có thể tin vào thảo dược hơn là các loại thuốc tây y vì những người thuộc thể hệ này cũng ít được tiếp cận với kiến thức khoa học hiện đại và “sùng bái” y học cổ truyền.

Kết quả khảo sát cho thấy người sử dụng tin là mật gấu có nhiều tác dụng khác nhau, thậm chí họ tin rằng có thể chia tác dụng của mật gấu làm nhiều loại dùng tương ứng cho nhiều bệnh cụ thể (chẳng hạn như các bệnh về tiêu hóa). Tuy nhiên, kết quả cho thấy rõ ràng rằng mật gấu không có tác dụng riêng biệt, vì vậy, khi đánh giá các sản phẩm thay thế mật gấu cần phải xét đến phạm vi rộng của các loại bệnh và giá trị sử dụng của thuốc.

Điều này cho thấy vấn đề nâng cao nhận thức nên tập trung vào nhiều các loại thuốc thay thế tiềm năng, ưu tiên những loại thuốc chữa các bệnh về cơ, bầm tím, bong gân, viêm khớp và thuốc bổ 5 loại bệnh mà rất nhiều người cho rằng mật gấu có thể chữa được. Các nhà khoa học Trung Quốc cũng đã phát hiện ra



Mặc dù tác dụng của mật gấu không được khoa học kiểm chứng, nhiều người tin rằng mật gấu có thể chữa được bách bệnh. Biển quảng cáo công dụng của mật gấu tại một nhà hàng.
Ảnh: ENV

rất nhiều loại thảo dược thay thế (Báo cáo kết quả các loại thảo dược thay thế mật gấu, WSPA 2005).

Mặc dù nhận thức mật gấu không có tác dụng chữa bệnh không phải là lý do chính khiến những người sử dụng mật gấu không tiếp tục sử dụng nữa, tuy nhiên 52% người tiêu thụ mật gấu cho rằng họ không tiếp tục sử dụng do mật gấu không có tác dụng. Con số này cho thấy kinh nghiệm của những người đã từng sử dụng mật gấu có thể sẽ có ảnh hưởng đến những người tiêu dùng khác bằng cách nhấn mạnh vào tính không hiệu của mật gấu.

Hiện nay, nhận thức về mật pháp luật của người dân vẫn còn thấp, quan niệm sử dụng mật gấu là vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng không đáng kể đến người tiêu dùng mật gấu và xếp hạng thấp nhất trong các giải pháp đề xuất nhằm giảm thiểu buôn bán và tiêu thụ mật gấu.

Các hoạt động nâng cao nhận thức về pháp luật chỉ có thể trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc thay đổi hành vi của người sử dụng hay có tính răn đe tới những người có ý định sử dụng mật gấu nếu các cơ quan chức năng thực thi pháp luật một cách quyết liệt. Như đã đề cập ở phần trước, tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam chưa bị coi là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng và được xã hội chấp nhận một cách rộng rãi, vì vậy luật pháp không thể hiện được vai trò răn đe các hành vi vi phạm.



*Đoạn phim ngắn do ENV sản xuất phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam nhằm khuyến khích người dân không sử dụng mật gấu. Đài truyền hình và đài phát thanh được xem là phương tiện truyền thông hiệu quả
Ảnh: ENV*

Nếu các cơ quan chức năng kiên quyết thực thi pháp luật, các chiến dịch nâng cao nhận thức nên bắt đầu bằng việc giúp người dân nhận thức được rằng sử dụng mật gấu là vi phạm pháp luật, đồng thời nhấn mạnh các chế tài xử phạt người mua và người tiêu thụ. Như vậy, luật pháp sẽ có ý nghĩa hơn khi người dân nhận thấy pháp luật được thực thi một cách nhất quán và bền vững.

Thúc đẩy việc sử dụng rộng rãi các loại thuốc thay thế mật gấu hay tuyên truyền tính không hiệu quả của mật gấu sẽ ít có tác động đến những người sử dụng mật gấu vì mục đích giải trí. Nhóm này chiếm khoảng 34% số người sử dụng, tuy nhiên họ cũng là những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi luật pháp, và sự giảm nguồn cung mật gấu khi các cơ quan chức năng thực thi pháp luật nghiêm khắc và các cơ sở không còn chào bán mật gấu

Các hoạt động nâng cao nhận thức như giới thiệu về các loại thảo dược và tân dược thay thế mật gấu nên được thực hiện qua các kênh truyền thông đại chúng như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, và các đài phát thanh và truyền hình địa phương. Truyền hình được đánh giá là kênh truyền thông hiệu quả nhất đối với đại bộ phận công chúng. (TRAFFIC 2007).

Các thông điệp nâng cao nhận thức cũng nên được lồng ghép vào chương trình giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng nhằm khơi dậy những giá trị môi trường cho lớp trẻ, hình thành thái độ, hành vi và tư duy về các phương pháp chữa trị bệnh một cách bền vững và hiệu quả.

Niềm tin về các giá trị sử dụng của mật gấu không chỉ được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, giữa các thành viên trong gia đình hay bạn bè

mà còn được củng cố bởi các lương y, nhà thuốc gia truyền, qua các ấn phẩm, sách báo, và các phương tiện truyền thông khác. Các biện pháp tương tự phải tập trung tạo dựng được sự ủng hộ của ngành y học cổ truyền, ở cả cấp độ nguồn cung cấp và cơ sở bán lẻ cũng như các cơ sở nghiên cứu, trường đại học để giúp khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm thay thế; xóa bỏ dần quan niệm lâu năm về vấn đề sử dụng mật gấu. Những nỗ lực này nên tập trung trực tiếp vào việc thúc đẩy liên kết giữa các cơ quan trong lĩnh vực y tế và y học cổ truyền, song song với việc tuyên truyền sử dụng rộng rãi các sản phẩm thay thế mật gấu và các thông điệp quan trọng trên các phương tiện truyền thông.



Du lịch trại gấu là một hướng phát triển mới trong hoạt động khai thác mật gấu. Theo đó, khách du lịch nước ngoài được đưa tới trại và khuyến khích mua mật gấu, vi phạm pháp luật. Cảnh sát môi trường đang thẩm vấn một chủ trang trại người Hàn Quốc ở Quảng Ninh sau vụ bắt quả tang hành vi vi phạm tại đây.

Ảnh: Cảnh sát môi trường Quảng Ninh

Tăng cường luật pháp và thực thi pháp luật

Các chế tài xử phạt mạnh hơn và thực thi pháp luật kiên quyết hơn sẽ là các giải pháp chính trong các nỗ lực nhằm xóa bỏ tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu. Mặc dù đa số người dân chưa tin tưởng vào luật pháp hay việc thực thi pháp luật nhưng gần một phần tư số người tiêu thụ mật gấu cho rằng đóng cửa các trại gấu là giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề, mà tự bản thân giải pháp này cũng đã là một hình thức thực thi pháp luật.

Khi tất cả những người đang sử dụng cũng như có thể sẽ sử dụng mật gấu đã nhận thức được tính hiệu quả của các loại thuốc thay thế mật gấu, cơ quan chức năng cần thực hiện các chiến dịch thực thi pháp luật tương ứng để khuyến khích sử dụng các loại thuốc thay thế hợp pháp này. Khi những người tiêu dùng tin rằng mật gấu có tác dụng chữa bệnh và là một loại thuốc bổ nhằm tăng cường sức khỏe đã nhận thức được về các loại thuốc khác có tác dụng tương tự thì việc tăng cường thực thi pháp luật, nghiêm cấm sử dụng mật gấu sẽ hạn chế được nguồn cung, đồng thời đóng cửa các trang trại nuôi gấu chích hút mật gấu trái phép và xử phạt nặng những đối tượng bị bắt quả tang buôn bán và tiêu thụ mật gấu. Đứng trên quan điểm của người tiêu thụ mật gấu, một khi nguồn cung giảm đi, giá cả tăng lên, chế tài xử phạt nặng, trong khi trên thị trường có rất nhiều loại thuốc thay thế, người tiêu dùng sẽ dễ dàng quay sang lựa chọn các sản phẩm này.

Tuy nhiên, sự chuyển đổi thành công từ tiêu dùng mật gấu sang các sản phẩm thay thế mật gấu rất cần một chiến dịch nâng cao nhận thức và thực thi pháp luật một cách bền vững. Các giải pháp thực hiện nửa vời rất khó đạt được kết quả. Kết quả có được như mong đợi hay không phụ thuộc phần lớn vào quyết tâm và cam kết xóa bỏ tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu của nhà nước cũng như các cơ quan chức năng liên quan. Chính sách pháp luật nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, buôn bán hoặc chích hút mật gấu rõ ràng và minh bạch sẽ tạo nền tảng cho chiến dịch thực thi pháp luật hiệu quả.



Cho phép chủ trang trại tiếp tục đăng ký nuôi những cá thể gấu trái phép thay vì tịch thu và xử lý nghiêm khắc đối tượng vi phạm tạo tiền lệ xấu cho công tác thực thi pháp luật.

Ảnh: ENV

Là một phần trong quá trình cải thiện luật pháp, các chính sách và văn bản luật cần được Chính phủ xem xét kỹ lưỡng, bởi vì một số Nghị định, Quyết định hay Thông tư hiện hành do Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn (MARD) có rất nhiều bất cập, dẫn đến sự thiếu đồng bộ hay nội dung của các văn bản đó được hiểu khác nhau giữa các chi cục kiểm lâm và công an khiến việc thực thi pháp luật đôi khi không theo đúng vai trò, trách nhiệm của họ đối với Nhà nước.

Ví dụ: Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ quy định các cá thể động vật trong Nhóm 1B (trong đó có gấu) sẽ bị tịch thu nếu chủ sở hữu

không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp. Tuy nhiên, khi đi vào thực hiện, mỗi tỉnh thực thi một kiểu. Có tỉnh thì tịch thu gấu, có tỉnh lại chỉ xử phạt hành chính chủ nuôi và tiếp tục cho nuôi. Năm 2008, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn 970/BNN-KL đề nghị các cơ quan chức năng địa phương xử phạt hành chính các chủ trang trại nếu phát hiện nuôi nhốt gấu trái phép và cho phép tiếp tục nuôi. Kết quả, rất nhiều cơ quan chức năng địa phương đã coi đây là “cứu cánh” trong xử lý các trường hợp nuôi nhốt gấu trái phép hơn là thực thi pháp luật cho mục đích bảo vệ gấu.

Các quy định của luật pháp về việc chưa đăng ký và sở hữu gấu trái phép, chích hút mật gấu, tàng trữ mật gấu và các dụng cụ chích hút mật gấu, quảng cáo, bán và tiêu thụ mật gấu cần được đưa vào các văn bản luật, có hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan chức năng, làm rõ các khái niệm và quy định để tránh sự mập mờ trong câu chữ, ngôn từ, cho phép các cơ quan chức năng địa phương thực thi pháp luật một cách hiệu quả.



Một cá thể gấu con được phát hiện tại một trang trại gấu ở Hà Nội. Cá thể này đã biến mất ngay sau khi bức ảnh được chụp.

Ảnh: ENV

Khi đã có một nền tảng pháp luật bảo vệ gấu và nghiêm cấm chích hút, sử dụng mật gấu một cách rõ ràng và chi tiết, các cơ quan cần thực hiện các chiến dịch thực thi pháp luật một cách đồng bộ và lâu dài hướng đến các trang trại gấu, các cơ sở cung cấp hay cửa hàng bán lẻ. Chiến dịch này cùng với các chiến dịch khuyến khích sử dụng các loại thuốc thay thế mật gấu cần tập trung xây dựng ý thức tôn trọng luật pháp cho người dân, thể hiện tính rắn đẽ của pháp luật. Chúng tôi kiến nghị các cơ quan chức năng nên chú trọng xử lý các trang trại nuôi nhốt gấu với quy mô lớn và các hoạt động cung ứng mật gấu để tạo tiền lệ tốt, chứng tỏ các hoạt động thực thi pháp luật được tiến hành một cách thường xuyên và mạnh tay chứ không giảm dần đi nhằm xóa bỏ tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu. Bằng cách này, một số chủ trại gấu và các cơ sở kinh doanh sẽ tự giác chấm dứt vi phạm mà không phải cần đến sự can thiệp của các cơ quan chức năng, bởi tự thân họ đã ý thức rằng hoạt động kinh doanh trái phép của mình sẽ sớm bị phát hiện và xử lý.

Một giải pháp nữa cũng không kém phần quan trọng là xóa bỏ tình trạng nuôi nhốt gấu. Chương trình gắn chip điện tử cho gấu nuôi tiến hành năm 2006 được



Cá thể gấu được tịch thu tại một nhà dân ở Điện Biên sau khi phát hiện hành vi nuôi nhốt trái phép.

Ảnh: AAF

thực hiện với mục đích ngăn chặn số gấu mới phát sinh tại các trang trại, duy trì số gấu hiện đang nuôi nhốt, điều này sẽ giúp dần dần xóa bỏ việc nuôi nhốt gấu khi các cá thể gấu cũ chết đi và không có bổ sung gấu mới vào. Kể từ khi thực hiện chiến dịch, số lượng gấu mới phát sinh có vẻ tăng chậm hơn so với thời điểm trước 2006. Tuy nhiên, chương trình có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào năng lực thực thi pháp luật và giám sát trang trại của cơ quan chức năng địa phương.

Cũng như việc đẩy mạnh thực thi pháp luật, vấn đề giám sát các trang trại nuôi gấu đòi hỏi quyết tâm và sự cam kết cao của các cơ quan thực thi pháp luật thì mới đạt được mục tiêu đề ra là ngăn chặn phát sinh cá thể gấu mới tại các trang trại. Các cơ quan chức năng phải thiết lập chương trình giám sát chi tiết và hiệu quả các trang trại trong địa bàn quản lý của mình, kiểm soát việc di chuyển gấu, tịch thu các cá thể gấu con và gấu trái phép. Cục Kiểm lâm nên thường xuyên tiến hành kiểm tra đột xuất một số cơ sở.

Ngoài ra, các cơ quan chức năng phải hành động để ngăn chặn các chủ trại gấu khai thác kiếm lời từ gấu nuôi đã đăng ký bằng cách xử phạt thật nặng các chủ trang trại chích hút và bán mật gấu, tịch thu toàn bộ đồ nghề, dụng cụ chích hút mật và cả cá thể gấu đó để làm chứng cứ vi phạm. Các hành vi tái phạm nên bị xử phạt nặng hơn, không cho chủ gấu có cơ hội tiếp tục kiếm lời. Tất cả các cá thể gấu chết trong khi nuôi nhốt phải được bàn giao cho cơ quan chức năng để tiêu hủy nhằm đảm bảo cá thể gấu chết không tiếp tục bị lạm dụng để kiếm lời.

Tất cả những biện pháp này nếu được thực hiện triệt để sẽ không chỉ làm cho các chủ trang trại chán nản trong việc duy trì số gấu nuôi đã đăng ký, mà còn giúp giảm nhu cầu gia tăng gấu mới tại các trang trại.

Chìa khóa cho thực thi pháp luật một cách toàn diện là hành động triệt để, tạo ra tính răn đe nhằm giúp cho các đối tượng vi phạm tự giác tuân thủ pháp luật để tránh bị xử phạt. Điều này có nghĩa là các chủ trại gấu sẽ không bổ sung thêm gấu mới hay chích hút mật gấu do lo sợ bị phát hiện, các cơ sở cung cấp và bán lẻ mật gấu không quảng cáo và bán các sản phẩm từ gấu, và người tiêu dùng tránh không mua các sản phẩm từ gấu.

Tính răn đe này cho dù chưa hoàn toàn hữu hiệu ở Việt Nam hiện nay, tuy nhiên cũng là một vấn đề cực kỳ cấp bách nhằm thiết lập quy tắc luật pháp, đạt mục tiêu xóa bỏ tình trạng buôn bán, tiêu thụ mật gấu, và đạt đến đích cuối cùng là bảo vệ các loài gấu của Việt Nam. Mục tiêu có đạt được, có thành công hay không phụ thuộc rất lớn vào cam kết của các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật cũng như sự hậu thuẫn của các cơ quan trung ương.

Nghiên cứu

Thiếu kiến thức khoa học là một trong những trở ngại đối với chính phủ cũng như các tổ chức bảo tồn khi thực hiện các giải pháp bảo vệ động vật hoang dã và chấm dứt tình trạng buôn bán động vật quý hiếm. Để bảo vệ các loài gấu của Việt Nam, cần thực hiện hàng loạt nghiên cứu về sinh thái, hiện trạng của quần thể gấu trong tự nhiên, động cơ của việc buôn bán (trên phương diện cung và cầu), phân tích các văn bản pháp luật, việc gây nuôi thương mại các loài động vật nguy cấp, quý hiếm và tác động của nó đối với việc bảo tồn loài. Bên cạnh đó, các nhà khoa học cũng nên tập trung nghiên cứu và xác định các quần thể gấu hoang dã đang trong tình trạng cực kỳ nguy cấp để có phương án ưu tiên bảo tồn và khôi phục.

Bảo vệ gấu hoang dã trong tự nhiên

Chúng ta không thể không nhắc đến vấn đề bảo vệ các quần thể gấu hoang dã của Việt Nam trong tự nhiên, cho dù đây không phải là vấn đề chính của báo cáo khảo sát này. Tất cả các giải pháp như tuyên truyền sử dụng rộng rãi các loại thuốc thay thế mật gấu, đẩy mạnh thực thi pháp luật, tăng cường thể chế luật pháp, sự quyết tâm và cam kết thực thi đều để đạt mục tiêu cuối cùng: bảo vệ loài gấu.

Một số nhà khoa học cho rằng số lượng gấu đang bị nuôi nhốt hiện đang nhiều hơn số lượng ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, rất ít các khảo sát đã được thực hiện để tìm hiểu xem còn bao nhiêu cá thể gấu còn tồn tại trong các khu rừng của Việt Nam, dù chỉ là một con số ước tính sơ bộ, mặc dù vậy hầu hết các nhà khoa học đều đồng ý rằng, vẫn còn một số ít cá thể gấu trong tự nhiên.

Vấn đề bảo vệ loài gấu đòi hỏi hành động cấp bách và mang tính quyết định của nhà nước cũng như sự ủng hộ của cộng đồng nhằm xóa bỏ mọi căn nguyên dẫn đến sự suy giảm của loài trong tự nhiên. Hoạt động khai thác mật gấu cũng như các quan niệm truyền thống về sử dụng mật gấu là các yếu tố chính gây nên tình trạng suy giảm về số lượng loài không chỉ ở Việt nam mà còn ở các nước lân cận.



Tăng cường công tác quản lý bảo vệ ở các khu bảo tồn là một trong những biện pháp nhằm bảo vệ các cá thể động vật hoang dã trong tự nhiên.

Ảnh: Tim McCormack

Giảm nhu cầu sử dụng mật gấu, đóng cửa các trang trại nuôi gấu, tác động đến hành vi sử dụng, tiêu thụ mật gấu cũng như các sản phẩm từ gấu một cách không bền vững có lẽ là phương hướng duy nhất để bảo vệ những cá thể gấu hoang dã cuối cùng của Việt Nam.

Cuối cùng, cần thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý bảo vệ các khu rừng mà các cá thể gấu hiện đang tồn tại; tương tự như ở trên, cần thúc đẩy sự nỗ lực, quyết tâm và thực thi luật pháp ở cấp độ khu bảo tồn áp dụng cho các trang trại nuôi gấu và các đối tượng buôn bán, tiêu thụ mật gấu nói chung.

Ý nghĩa của công tác bảo tồn và bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp khác của Việt Nam

Khảo sát này là một trong những nỗ lực đầu tiên nhằm vào những vấn đề xã hội có tác động mạnh mẽ đến sự tồn tại của động vật nguy cấp, quý hiếm ở Việt Nam. Bằng cách tiếp cận, tìm hiểu các nguyên nhân, thái độ và hành vi của tình trạng tiêu thụ mật gấu, các cơ quan nhà nước, tổ chức bảo tồn cũng như các nhà quản lý sinh thái có thể thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm bảo vệ những cá thể gấu cuối cùng của Việt nam còn sót lại trong tự nhiên. Không những vậy, những phát hiện của nghiên cứu này cũng liên quan đến vấn đề bảo tồn các loài khác trong khu vực như hổ, voọc, tê tê và những loài có tác dụng chữa bệnh theo quan niệm dân gian.

Thành công hay thất bại của vấn đề bảo vệ và bảo tồn gấu có tác động trực tiếp đến các loài khác, đặc biệt là vấn đề bảo tồn hổ. Hiện nay, việc gây nuôi thương mại hổ đang ngày càng phát triển, tương tự như vấn đề nuôi gấu tại các

trang trại vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước. Nếu Việt Nam thành công trong việc xóa bỏ tình trạng nuôi nhốt gấu tại các trang trại và giảm thiểu tình trạng tiêu thụ mật gấu, thành công này sẽ có tác động rất tích cực và sâu sắc đến vấn đề bảo vệ hổ và các loài nguy cấp khác ở Việt Nam, thậm chí là của một số vùng ở châu Á.

Kết luận

Tương lai của hai loài gấu Việt Nam đang bị đe dọa bởi tình trạng tiêu thụ và sử dụng mật gấu phổ biến như hiện nay. Gấu tiếp tục bị săn bắt từ tự nhiên, bán cho các trang trại, bị giam trong các cũi sắt chật hẹp chờ đến lượt bị chích hút để khai thác mật. Các nỗ lực bảo vệ gấu đòi hỏi phải xóa sổ “ngành công nghiệp” khai thác mật gấu, bởi gần ¼ số người sử dụng mật gấu đề xuất giải pháp này nhằm chấm dứt tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu.

Song song với việc tăng cường thể chế luật pháp và thực thi pháp luật, việc giảm thiểu nhu cầu về mật gấu cũng như tác động đến thái độ, hành vi và quan niệm về sử dụng mật gấu vốn đã tồn tại hàng bao thế kỷ nay cũng là những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nhằm hướng đến mục tiêu chấm dứt tình trạng buôn bán và tiêu thụ mật gấu.

Một khi niềm tin trong việc sử dụng mật gấu đã ăn sâu bám rễ trong quan niệm của người Việt Nam từ hàng nghìn đời nay, không dễ gì ngày một ngày hai chúng ta có thể thay đổi được ngay quan niệm này (Manika et al 1995). Để thay đổi được một quan niệm, cần phải có thời gian.

Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ đáng kể trên chặng đường dài hướng đến mục tiêu bảo vệ loài gấu. Ngăn chặn được tình trạng nuôi nhốt gấu ngay trong giai đoạn đầu khi số lượng gấu còn ít sẽ giúp giảm được rất nhiều chi phí. Kế hoạch xóa bỏ tình trạng nuôi nhốt gấu thông qua tiêu hao về số lượng là bước đi đầu tiên cực kỳ quan trọng và cấp bách trên chặng đường dài này. Tuy nhiên, sự kiểm chứng những cam kết này nằm ở những nỗ lực tăng cường luật pháp và thực thi pháp luật đồng thời các chiến dịch nâng cao nhận thức sẽ giúp dần xóa đi nhu cầu sử dụng mật gấu. Điều quan trọng nhất là chúng ta phải lựa chọn: Việt Nam không thể vừa có gấu vừa sử dụng mật gấu.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN NGƯỜI DÂN VỀ VIỆC SỬ DỤNG MẬT GẤU

--	--	--	--	--	--

Mã số phiếu

Chào Anh/ Chị ...

Hiện nay chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu về tình hình sử dụng mật gấu của người dân trên địa bàn Hà Nội. Hiệu quả của nghiên cứu này sẽ phụ thuộc nhiều vào thông tin anh/chị cung cấp. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được sự hợp tác từ anh/chị bằng việc trả lời toàn bộ các câu hỏi sau đây, để việc nghiên cứu được hoàn thiện và chính xác.

Xin chân thành cảm ơn.

Địa chỉ (Hoặc số điện thoại):

Thời gian điều tra: Từ.....h đến h ngày/...../2009.

Người điều tra:

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỐI TƯỢNG PHỎNG VẤN

Câu 1: Năm sinh của anh/chị? (Tuổi =.....)

Câu 2: Giới tính (Điều tra viên tự điền)

- 1 Nam
2 Nữ

Câu 3: Trình độ học vấn đã hoàn thành (chọn một trong các câu sau)

- 1 Tiểu học
2 Trung học cơ sở
3 Trung học phổ thông
4 Đại học/Cao đẳng
5 Trên đại học
6 Khác.....

Câu 4: Anh/chị đã bao giờ sử dụng mật gấu chưa?

- 1 Rồi (Chuyển sang phần II - câu 5)
2 Chưa (Chuyển sang phần III – câu 15)

PHẦN II: ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI SỬ DỤNG MẬT GẤU

Câu 5. Anh/chị đã sử dụng mật gấu với mục đích gì? (người được hỏi có thể chọn 1 hoặc nhiều câu trả lời)

- 1 Cải thiện sức khỏe nói chung
- 2 Chữa một bệnh cụ thể
- 3 Để giải trí/cho vui
- 4 Lý do khác

Ghi rõ lý do khác:

.....

.....

.....

6. Theo anh/chị mật gấu có tác dụng gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Anh/chị có mật gấu từ đâu? (Người được hỏi có thể chọn 1 hoặc nhiều câu trả lời)

- 1 Trực tiếp từ các trang trại gấu
- 2 Từ các hiệu thuốc đông y
- 3 Nhà hàng/quán cà phê/quán rượu
- 4 Nhà riêng
- 5 Từ bác sĩ/bệnh viện/Hiệu thuốc tây y
- 6 Được người khác cho
- 7 Nguồn khác

Ghi cụ thể nguồn khác:

.....

Câu 8. Anh/chị có sử dụng mật gấu trong hai năm vừa qua không?

- 1 Có (Chuyển sang câu 9)
- 2 Không (Chuyển sang câu 10)

Câu 9. Nếu CÓ, anh/chị đã dùng mật gấu bao nhiêu lần trong khoảng thời gian trên?

Nêu ra số lần gần đúng đã sử dụng mật gấu: _____

(Chuyển sang câu 13)

Câu 10. Nếu KHÔNG, anh/chị có nghĩ anh/chị sẽ sử dụng mật gấu trong tương lai không?

- 1 Có (Chuyển sang câu 13)
- 2 Không (Chuyển sang câu 11)

- 3 Tôi không biết (Chưa biết hoặc không xác định rõ chuyển sang Câu 13)

Câu 11. Tại sao anh/chị KHÔNG định tiếp tục sử dụng mật gấu?

- 1 Vì quá đắt
2 Không hiệu quả
3 Vi phạm pháp luật
4 Lo lắng/ quan tâm đến loài gấu
5 Khác

Ghi rõ lý do khác:

.....
.....

Câu 12. Hãy giải thích rõ hơn tại sao hay như thế nào anh/ chị quyết định ngừng sử dụng mật gấu

Điều tra viên ghi lại cẩn thận, chi tiết câu trả lời

.....
.....
.....
.....

Câu 13. Theo anh/chị, sử dụng mật gấu có vi phạm pháp luật không?

- 1 Có
2 Không
3 Tôi không biết (hoặc giải thích không rõ ràng lúc có, lúc không)

Lưu ý: Nếu người được hỏi trả lời là không vi phạm pháp luật, điều tra viên giải thích cho họ biết hành vi sử dụng mật gấu là vi phạm pháp luật sau đó chuyển sang câu 14.

Câu 14. Theo anh/chị biện pháp nào dưới đây là quan trọng nhất giúp giảm thiểu và xóa bỏ tình trạng sử dụng mật gấu ở Việt Nam?

Biện pháp

- 1 Thực thi pháp luật hiệu quả và các hình phạt nặng hơn
2 Sử dụng các loại thuốc thay thế có sẵn rẻ hơn và hiệu quả hơn
3 Nâng cao nhận thức của cộng đồng
4 Đóng cửa các cơ sở nuôi nhốt gấu tư nhân
5 Biện pháp khác:
6
7

Kết thúc phỏng vấn

Cảm ơn anh/chị đã hợp tác với chúng tôi!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Animal Asia Foundation. 2010. Bear bile farming. Retrieved from <http://www.animalsasia.org/index.php?UID=FFFUD5EP49V5>. Last accessed October 13, 2010
- Bray, A. 2010. *The intoxicating world of Vietnam's rice wine culture*. Retrieved from <http://www.cnn.go.com/explorations/none/vietnams-rice-wine-culture-223868#ixzz0uWbBZIAL>. Last accessed July 10, 2010.
- Corlett, T. R 2007. *The impact of hunting on the Mammalian Fauna of Tropical Asia Forests*. Biotropica Journal. The Association for Tropical Biology and Conservation. 39(3): 292-303.
- Craig, D. 2002. *Familiar medicine: everyday health knowledge and practice in today's Vietnam*. University of Hawaii Press. Honolulu, HI 96822-1888 USA
- Cục Kiểm lâm. 2005. *Quyết định số 02/2005/QĐ-BNN ngày 05/01/2005 Về việc ban hành Quy định về quản lý gấu nuôi nhốt* www.kiemlam.org.vn/Desktop.aspx/Tai-nguyen/Quyết-dinh/1674859DFFA04EC5A38DD1E62B2DEE08. Last accessed 5 August 2010.
- Dalton, R. J, Pham, H. M, Pham, N. T. and Nhu-Ngoc, O. T. 2001. *Social Relations and Social Capital in Vietnam: Findings from the 2001 World Values Survey*. University of California – Irvine.
- D'Elia, L. A. 2008. *Mobilizing for action: A Report to Help Create Culturally Responsive Pathways for Isolated Immigrant Seniors*. A report by Edmonton Seniors Coordinating Council.
- Earth Island Institute. 1997. *Bear Farm Decrease*. Earth Island Journal. 12(4): 56-85.
- ENV. 2010. Summary of bear hunting and trade at protected areas in the central of Vietnam.
- ENV. 2010. Summary of Quang Ninh bear tourism.
- ENV. 2010. Tiger investigation report
- ENV. 2010. Wildlife Crime database 2010.
- Feng, Y, Siu, K, Wang, N, Ng, K.M, Tsao, S.W. Nagamatsu, T and Tong, T. 2009. *Bear bile: Delima and traditional medicinal use and animal protection*. Journal of Ethnobiology and Ethnomedicine. 5 (2): no page numbers.
- Francis, C. M. 2001. *Mammals of Thailand and Southeast Asia*. Modern Age Repro House Limited, Hong Kong.

- Johnson, A, Singh, S, Dongdala, M and Vongsa, O. 2003. *Wildlife hunting and use in the Nam Ha National Protected Area: Implications for rural livelihoods and biodiversity conservation*.
- Li, J.P. 2004. *China's Bear Farming and Long-Term Solutions*. Journal of Applied Animal Welfare Science. 7(1):71-80.
- Mainka, S. A, D.V.M and Mills, J.A. 1995. *Wildlife and traditional Chinese medicine – supply and demand for wildlife species*. Journal of Zoo and Wildlife Medicine. 26(2): 193-200.
- Maitland, E. 2001. *Corruption and The Outsider: Multinational Enterprises in the Transitional Economy of Vietnam*. The Singapore Economic Review. 46(1):63-82.
- Mano, T and Ishii. 2008. *Bear gallbladder trade issues and a framework for bear management in Japan*. Urus. 19(2):122-129.
- Mills, J. 1992. *Milking the Bear Trade*. International Wildlife. 92(22): 25-87.
- Newton, P., N. Van Thai, et al. (2008). *Pangolins in peril: Using local hunters' knowledge to conserve elusive species in Vietnam*. Endangered Species Research 6(1): 41-53.
- Nghe, L. T, Mahalik, J.R. Lowe, S. M. 2003. *Influences on Vietnamese men: examining traditional gender roles, the refugee experience, acculturation, and racism in the United States*. Journal of Multicultural Counseling and Development. 31 (4): 45-61.
- Nguyen, D. 1985. *Culture shock – A review of Vietnamese culture and its concepts of health and disease*. West J Med. 142 (3): 409-412.
- Nguyen, D. K. 2001. *Jewelry from late prehistoric sites recently excavated in south Vietnam*. Indo-Pacific Prehistory Association Bulletin. 21(5): 107-113.
- Nguyen, N.Q.2006. *History of Vietnam*. Education Publishing House. 57-59
- Nguyen, T. 2009. *Xâm nhập “tập đoàn” trại gấu ở Hạ Long: xử lý như... không* (Sneaking in bear farms “Alliance” in Ha Long: Punishment is like...nothing). Tuổi Trẻ Newspaper. 11/2009.
- Nguyen, T. H. H. Berman, P. and Larsen, U. 2002. *Household utilization and expenditure on private and public health service in Vietnam*. Health Policy and Planning. Oxford University Press. 17(1):61-70.
- Nguyen, S.V. (2008). *Wildlife trading in Vietnam: Situation, causes, and solutions*. Journal of Environment and Development. 17(2): 145-165.
- Nguyen, T. 2009. *Xâm nhập “tập đoàn” trại gấu ở Hạ Long: “Ăn dày trên thân xác gấu”* (Sneaking in bear farms “Alliance” in Ha Long: “Over fed” on bear bodies). Tuổi Trẻ Newspaper. 10/2009.

- Nijman, V. 2010. *An overview of international wildlife trade from Southeast Asia*. Biodiversity and Conservation. 19(4). 1101-1114.
- PARC Ba Be/Na Hang Project. 2003. *Evaluation of the wildlife trade in Na Hang District*.
- Schneider, J. L. (2008). *Reducing the illicit trade in endangered wildlife: The market reduction approach*. Journal of Contemporary Criminal Justice. 24(3): 274-295.
- Shepherd, C. R. and V. Nijman (2008). *The trade in bear parts from Myanmar: An illustration of the ineffectiveness of enforcement of international wildlife trade regulations*. Biodiversity and Conservation 17(1): 35-42.
- TRAFFIC. 2007. *A matter of attitude: The consumption of wild animal products in Hanoi*. TRAFFIC. Hanoi. Vietnam
- Wyler, L. S and Sheikh. P. A. 2008. *International Illegal Trade in Wildlife: Threats and U.S. Policy*.
- World Bank. 2005. Going, going, gone... *The illegal trade in wildlife in East and Southeast Asia. Vietnam*. Clearance Center Inc. 222 Roswood Drive, Danvers, MA 01923. USA
- World Conservation Union. 2010. IUCN's Red list. www.iucnredlist.org/apps/redlist. Last accessed September 1, 2010.
- World Society for Protection of Animals. 2002. *The bear bile business: The global trade in bear products from China to Asia and beyond*.
- World Society for Protection of Animals. 2005. *Finding herbal alternatives to bear bile*. Eastland Press, Inc. P.O. Box 99749, Seattle, WA 98139, USA.
- Yiming. L. and Dianmo. L (1998). *The dynamics of trade in live wildlife across the Guangxi border between China and Vietnam during 1993-1996 and its control strategies*. Biodiversity and Conservation 7(7): 895-914.
- Zhang, L., N. Hua, et al. (2008). *Wildlife trade, consumption and conservation awareness in southwest China*. Biodiversity and Conservation. 17(6): 1493-1516.

Chương trình bảo vệ động vật hoang dã

Chương trình bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) của ENV được thành lập vào tháng 1 năm 2005 với chức năng quản lý đường dây nóng, tiếp nhận thông tin về nạn buôn bán ĐVHD trái phép ở Việt Nam. Thông tin về các vụ vi phạm nhận được qua đường dây nóng nhanh chóng được phòng Bảo vệ ĐVHD của ENV chuyển đến các cơ quan chức năng và sau đó tiếp tục theo dõi quá trình điều tra, xử lý tang vật và đối tượng vi phạm. ENV cũng thông báo lại cho người cung cấp thông tin về kết quả xử lý vi phạm. Báo cáo về các vụ vi phạm được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu bảo vệ ĐVHD của ENV.

Mục đích của chương trình Bảo vệ ĐVHD:

- Khuyến khích sự tham gia của quần chúng trong nỗ lực ngăn chặn nạn buôn bán trái phép ĐVHD: thông báo các vi phạm, tham gia điều tra và theo dõi các trường hợp vi phạm.
- Hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật, xử lý ĐVHD tịch thu.
- Trực tiếp ngăn chặn các vi phạm.
- Lưu trữ thông tin về các vụ vi phạm để xác định tình trạng, xu hướng buôn bán ĐVHD; đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng hoàn thiện các văn bản pháp luật và việc thực thi luật bảo vệ ĐVHD.

Chương trình Bảo vệ ĐVHD của ENV do các tổ chức Critical Ecosystem Partnership Fund (CEPF), Humane Society International (HSI), Sea World and Busch Gardens Fund, The MacArthur Foundation, The Whitley Fund for Nature, và The World Society for Protection of Animals (WSPA) tài trợ.



Thông tin chi tiết, xin liên hệ:

Chương trình bảo vệ ĐVHD
Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)
Số 5. IF1, ngõ 192, Phố Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel/Fax: (84 4) 3514 8850
Email: env@fpt.vn

ENV Website: www.thiennhien.org (Tiếng Việt)
ENV Website: www.envietnam.org (Tiếng Anh)
Thư viện ảnh: www.savingvietnamswildlife.org
ENV Facebook: <http://www.facebook.com/group.php?gid=47162312016>